

# Tịnh Độ Hoặc Vấn

Đời Nguyên, Thiên Như Duy Tắc Thiền Sư thuật  
Việt Dịch: Thích Thiền Tâm

## Đề Từ:

Ngoài song non xanh giăng màn hoa  
Triền non thanh tuyền buông cầm ca  
Trong song kìa ai im như mơ  
Ngồi xem Thiên Như câu Di Đà  
Người đời đều ưa cơ Thiền sâu  
Hành như ai vào tâm vương mầu  
Đèn sương trơ vơ ngoài trời thu  
Non Tu vi trần đều gồm thâu  
Mà trong A Di hồng danh thâm  
Ngàn muôn khôn tìm ra tri âm!  
Thiên Như lòng từ soi chân đặng  
Đưa người mau ra vòng mê lầm  
Hư không chim bay dường như tranh  
Lưu tuyền quanh co triền non xanh  
Người đi xa xa làn mây trôi  
Di Đà chân như này tâm lành  
Ôi câu hồng danh mầu thâm xa  
Sâu cùng chừ tông làng thiền na  
Buông ra thâu vào đều như như  
Tương tư tâm đầy trời Liên Hoa  
Thuật ý Thành Thời Đại Sư.

## Liên Du

Thiên Như lão như đang tĩnh tọa nơi thất Ngọa Vân, bỗng có người đẩy cửa bước vào, tự xưng là Thiền khách. Lão như im lặng gật đầu chào, đưa tay ra ý mời ngồi. Đối tọa đã lâu, ánh tịch dương tà tà xuyên qua song trúc, lò hương thiền khói sắp muốn tan, khách từ từ đứng dậy, sửa y phục nghiêm trang, thưa thả mở lời thưa thỉnh:

**1. Hỏi rằng:- Trộm nghe Vĩnh Minh Hòa Thượng âm thọ môn học đơn truyền nơi Thiếu Quốc Sư ở Thiên Thai, mà cũng chính là đích tôn của ngài Pháp Nhãn. Khi Hòa Thượng trụ trì chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, đã khai thị cho học chúng rất nhiều, biện tài cơ trí dường như gió cuốn sấm vang, hải nội thiền lâm đều kính xưng là bậc đại tông tượng. Tại sao ngoài sự nói Thiền, ngài lại tự tu Tịnh Độ, khuyên**

**người niệm Phật, viết sách rộng truyền môn ấy nơi đời. Hơn nữa, ngài lại làm kệ Tứ Liệu Giản, đại ý nói: 'Có Thiền không Tịnh Độ, mười người chín ngại đường, không Thiền có Tịnh Độ, muôn tu muôn người sanh.' Qua mấy câu ấy, có phải ngài đã chủ trương Tịnh Độ, tự hạ môn Thiền của mình, lời nói dường như quá đáng chăng? Ngụ ý nghi ngờ việc này rất nhiều, mong Đại Sư chỉ thị.**

Đáp:- Lời hỏi ấy rất thích đáng! Tuy nhiên, Vĩnh Minh Đại Sư không phải quá khen Tịnh yểm Thiền, mà thật ra lời nói của ngài rất có công với bên Tông cũng như bên Giáo. Tiếc vì trong Tứ Liệu Giản, ngài chỉ nói lược qua đại cương, chưa phát minh hết ý thú, nên chưa đánh tan được mối nghi hoặc của nhà Thiền. Tôi học tập theo Thiền Tông, chưa tinh tường về Tịnh Độ, nhưng cũng thường qua những kinh sách của môn đó, nên cũng biết phần đại khái.

Tịnh Độ là pháp dễ tu dễ chứng, song cũng là môn khó nói khó tin. Cho nên khi còn tại thế, Đức Thích Ca Từ Phụ vì hàng đệ tử nói Kinh A Di Đà đã dự biết chúng sanh đời mạt pháp khó sanh lòng tin tưởng, mới dẫn lời thành thật của sáu phương chư Phật để phá mối nghi và phát khởi tín tâm cho người sau. Lúc thuyết kinh gần xong, nhân nói đến chư Phật khen ngợi mình, Đức Bổn Sư lại bảo: 'Nên biết ta ở nơi đời ác năm trước làm việc khó này đắc quả Vô Thượng Bồ Đề vì tất cả thế gian nói pháp khó tin đây, thật là một điều rất khó!' Ấy đều là những lời tha thiết cặn kẽ, dặn dò để khuyên người tin tưởng vậy. Vả Đấng Thế Tôn đã rủ lòng đại bi, cứu đời trong kiếp mạt, khi kim khẩu nói ra một câu một kệ, hàng hơn phi hơn đều tín thọ phụng hành, nhưng riêng về thuyết Tịnh Độ, thế gian có xen lẫn lòng nghi, là tại sao? Bởi giáo môn Tịnh Độ cực rộng lớn, mà pháp tu Tịnh Độ lại quá giản dị, hai điểm ấy dường như cách biệt, khiến cho người nghe khó nén lòng nghi. Nói rộng lớn, là môn này thấu nhiếp tất cả căn cơ: trên từ bậc Đẳng Giác Bồ Tát, vị Nhứt Sanh Bồ Xứ đều cầu về Tịnh Độ, dưới cho đến hàng ngu phu ngu phụ, kẻ tạo ngũ nghịch, thập ác, nếu quyết tâm tín hướng đều được vãng sanh. Nói giản dị, là người tu không phải quá gian nan lao khổ, không trải qua cảnh giới sai biệt mê lầm, chỉ trì niệm sáu chữ hồng danh, mà được thoát Ta Bà, được sanh Cực Lạc, được bất thối chuyển, cho đến khi thành Phật mới thôi. Bởi có sự rộng lớn mà lại giản dị như thế nên dù cho người trí cũng sanh mối nghi ngờ. Nếu ông nhận thức rõ được điểm này, tất sẽ biết lời khen của ngài Vĩnh Minh rất có ý thâm, mà không phải là quá đáng.

**2. Hỏi:- Sự rộng lớn và giản dị, tôi đã nghe lời chỉ dạy. Nhưng bậc ngộ đạt trong Thiền Tông, đã gọi thấy tánh thành Phật, há lại không chịu cầu sanh về Tây Phương ư?**

Đáp:- Thật ra ông chưa biết đó thôi. Chính những bậc ngộ đạt càng cấp thiết cầu sanh. Cổ đức đã bảo: 'Không cầu về Tịnh Độ, còn nguyện sanh cõi nào?' Nay ông chưa ngộ đạo, giả sử khi được tỏ ngộ rồi, e cho tâm niệm cầu sanh Cực Lạc của ông, muôn trâu cũng không thể kéo lại!

**3. Hỏi:- Sở dĩ Phật, Tổ ra đời vì độ chúng sanh; học giả chỉ lo việc lớn chưa xong, nếu đã phát minh đại sự (tức ngộ đạo), nên theo gương Đấng Đại Giác hiện thân vào nơi khốn khổ, không xiêm đường sanh tử, mà độ khắp hàm linh. Nếu bậc đã ngộ đạt mà còn cầu sanh Tịnh Độ, đó chẳng qua là tâm niệm chán khổ tìm vui, không đoái đến kẻ đang ở trong vòng chìm đắm? Tôi dù ngu hèn, vẫn không thích làm như vậy!**

Đáp:- Thấy chiếc trứng mà muốn cho nó nở liền, tâm niệm ấy sao đã vội gáp! Ông cho rằng sau một phen tỏ ngộ, thì nghiệp tập đã dứt sạch, được ngay vị bất thối chuyển ư? Và cũng không còn học khắp Phật Pháp, không cần phải tu hành thêm để chứng những quả vị từ thấp đến cao ư? Hay là ông lại nghĩ: sau một phen ngộ đạo, tất đã đồng hàng với chư Phật, có thể vào sanh ra tử không bị chướng duyên nhiều loạn ư? Nếu quả như thế thì chư Đại Bồ Tát trải qua hàng hà sa kiếp tu sáu độ muôn hạnh, cũng đều phải hổ thẹn với ông vậy! Cổ giáo đã có lời răn nhắc: 'Hàng Thanh Văn còn muội lúc ra thai, bậc Bồ Tát còn mê khi cách ảm!' Hai hạng ấy mà còn như thế, huống chi người ngộ giải non kém, tự cứu chưa xong giữa đời nay ư? Dù cho chỗ tỏ ngộ có sâu xa, trí thông hiểu có cao sáng, hạnh cùng giải hợp nhau, chí quyết muốn độ người; nhưng vì chưa lên hàng bất thối, lực dụng chưa đầy đủ, mà muốn ở cõi đời ác này hóa độ kẻ cang cường, điều ấy bậc Tiên Thánh cũng chưa hứa nhận. Ví như đem chiếc thuyền đóng trám chưa kỹ, để vớt người nơi biển dậy ba đào, cái họa trầm溺 cả đoàn tất không tránh khỏi. Cho nên Luận Vãng Sanh nói: 'Muốn du hành nơi địa ngục, muốn cứu độ chúng hữu tình mê khổ, trước phải cầu sanh về cõi kia, đợi khi chứng được Vô Sanh Nhẫn rồi sẽ trở lại đường sanh tử mà thật hành bản nguyện. Do nhân duyên ấy nên người tu mới cầu về Tịnh Độ.' Lại Tiên Thánh cũng đã bảo: 'Chưa được vị Bất Thối Chuyển, chưa chứng Vô Sanh Nhẫn, cần phải thường không rời Phật. Ví như trẻ thơ không nên xa mẹ, như chim non chỉ có thể bay chuyền theo cành cây.'

Nay ở cõi Ta Bà này Đức Thích Ca đã diệt, Phật Di Lạc chưa sanh. Huống nữa, bốn đường khổ thú, nhân quả dây dưa, trăm mối ngoại tà, thị phi rối loạn; sắc tốt tiếng dâm hàng quyến dụ, cảnh hư duyên ác mãi vây quanh. Trong hiện trạng ấy, đã không có Phật để nương nhờ, lại bị cảnh duyên làm khuấy động, hàng sơ tâm ngộ đạo hỏi mấy ai không bị thối lui? Cho nên Đấng Thế Tôn ân cần chỉ về Cực Lạc là bởi lý do ấy. Phương chi ở

cõi kia, Đức Di Đà hiện đang nói pháp, cảnh diệu độ muôn thứ thuận duyên; đã nương nhờ hải chúng, nhẫn lực mau thành, lại gần Đấng Pháp Vương, Phật Thừa dễ đạt. Chừng ấy muốn ra ứng hoá độ sanh, còn chi trở ngại? Cũng vì lẽ ấy, nên bậc thượng căn lợi trí còn nguyện thác sanh, huống chi ông là hạng trung hạ mới được đôi chút giải ngộ đó ư?

Ông há không thấy trong kinh Quán Phật Tam Muội, Ngài Văn Thù tự bày tỏ túc nhân, bảo mình đã chứng môn Niệm Phật Tam Muội, thường sanh ở Tịnh Độ ư? Do bởi đó, Đức Thế Tôn mới thọ ký cho ngài rằng: 'Ông sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc.'

Lại chẳng thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài Đồng Tử và đại chúng nơi hải hội, nên dùng công đức đó cầu sanh về Cực Lạc ư? Trong ấy có đoạn nói: 'Tôi nguyện khi đến lúc lâm chung. Dứt trừ tất cả điều chướng ngại. Diện kiến Đức Phật A Di Đà, liền được sanh về cõi Cực Lạc.'

Lại chẳng thấy trong Kinh Lăng Già, Đức Thế Tôn đã huyền ký: 'Sau xứ Nam Thiên Trúc, có danh đức Tỳ Khưu, tôn hiệu là Long Thọ. Hay phá hữu, vô tông. Trong thế gian hiển ngã. Pháp Vô Thượng đại thừa. Chứng Sơ Hoan Hỷ Địa. Sanh về cõi Cực Lạc' ư?

Và chẳng thấy trong Luận Khởi Tín, Mã Minh Bồ Tát, khen ngợi sự vắng sanh; trong Kinh Đại Bảo Tích, Phật hứa khả cho Tịnh Phạn Vương và bảy muôn Thích chủng đồng về An Dưỡng; trong Kinh Thập Lục Quán, Đức Thế Tôn chỉ dạy phương pháp cho bà Vi Đề Hy cùng năm trăm thị nữ được lễ cần Đức A Di Đà ư?

Trong mấy vị trên, như Vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy hiện tiền đều đã chứng được Vô Sanh Pháp Nhãn. Ở Tây Trúc những hạng ấy cầu vắng sanh rất nhiều. Bên đông độ thì có Viễn Công ở Lô Sơn cùng các bậc cao hơn trong Liên Xã, những vị tôn túc ở hai tông Thiên Thai, Hiền Thủ, tất cả đều dùng môn niệm Phật tự tu và độ người khuyến hóa hàng tăng tục đồng cầu sanh về Tịnh Độ. Nói chung những bậc cao đức tu tịnh nghiệp số lượng không biết bao nhiêu mà kể! Đến như hai ngài Văn Thù, Phổ Hiền là bậc Đại Bồ Tát, Thiện Tài Đồng Tử và hải chúng Hoa Tạng đều là bậc đại hơn trong bốn mươi một vị. Mã Minh, Long Thọ là hạng Bồ Tát, mà cũng là bậc Đại Tổ Sư. Những thánh hơn ấy chỗ ngộ và chứng siêu xuất hơn người ngộ đạt ngày nay như trời với vực, mà còn nguyện sanh về Tây Phương, ông bảo rằng đã tỏ ngộ không cầu về Cực Lạc, lại bác sự cầu sanh, thì các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chắc là không bằng ông rồi! Ông thử tự lượng xem chỗ tu chứng có bằng hai bậc Đại Sĩ, và hai vị Tổ Sư; sự tham ngộ có bằng ngài Thiện Tài cùng hải

chúng, cảnh giới sở đắc và được Phật hứa khả có bằng vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy chăng? Vả Tịnh Phạn Vương là thân sanh của Phật, bảy muôn Thích chủng là tộc thuộc của Ngài, nếu sự về Tịnh Độ không có lợi ích thì Đức Thế Tôn đâu nỡ khiến phụ vương và hàng thân thuộc cầu vãng sanh? Trước kia đã nói bậc chứng được Vô Sanh Nhân có thể vào tục độ sanh, nay vua Tịnh Phạn và người thân thuộc của Phật đã đắc quả ấy mà Đức Như Lai còn khuyên và thọ ký cho vãng sanh, thì tấm lòng hộ trì bảo dưỡng của Ngài há chẳng là thân thiết và sâu xa ư?

Tôi thấy hàng thiên giả đời nay phần nhiều không xét liễu nghĩa của Như Lai, chẳng rõ huyền cơ của Đạt Ma, bụng rộng lòng cao, tập quen thành bệnh cuồng vọng. Khi thấy người tu Tịnh Độ, họ khinh thường và cười bảo: 'Đó là việc làm thấp kém của hàng ngu phụ ngu phụ!' Tôi thường cho đó không phải khinh hạng ngu phụ ngu phụ, mà chính là khinh các Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; đó chẳng những tự mê chánh đạo, tự làm mất căn lành mà còn tự bỏ quên huệ thân và tự để tiêu Phật chủng. Đó cũng là tự gây ra tội báng Chánh Pháp, tự kết thành nghiệp khinh Thánh Tăng. Chư Phật, Tổ xem những kẻ ấy là hạng người đáng thương xót! Vì lẽ ấy nên Ngài Vĩnh Minh động mối bi tâm đem hết tâm can chủ trương Tịnh Độ, đã tự tu lại khuyên đời. Nên khi lâm chung, Đại Sư biết trước ngày giờ, có các diêm lành ứng hiện; lúc trà tỳ xá lợi tuôn ra vô số. Về sau có một vị tăng ở Phủ Châu thường cung kính đi nhiễu xung quanh tháp của ngài, nhiều người hỏi lý do thì vị tăng ấy đáp: 'Nhân lúc tôi bị bệnh nặng thần thức đi vào minh giới, Diêm Vương xét thấy thọ số chưa mãn, cho đưa trở về. Khi ấy tôi thấy bên phía tả đại điện có thiết bàn thờ di tượng một vị Đại Đức, Diêm Vương lễ bái ân cần. Hỏi ra thì Quan Chủ lại bảo đó là chân dung của Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư, vì ngài tu hành tinh tấn, được sanh về Thượng Phẩm ở Cực Lạc, nên Diêm Vương họa tượng để thờ.' Vĩnh Minh Đại Sư là bậc đã ngộ suốt môn thiền trực chỉ của tổ Đạt Ma, mà lại gởi chất nơi phẩm sen thượng thượng bên trời An Dưỡng; những sự kiện ấy đủ giải thích mối tình chấp của người tu thiền, còn làm duyên khuyến tấn cho chúng sanh đời mạt pháp. Cho nên tôi nói ngài rất có công đối với bên tông cũng như bên giáo là ở điểm này.

Song chẳng những chỉ có Vĩnh Minh Đại Sư mới như thế mà thôi. Ngoài ra, còn có Tử Tâm Tân Thiên Sư đã ngộ bên Thiên, lại khuyên tu bên Tịnh. Ngài đã bảo: Di Đà rất dễ niệm, Tịnh Độ rất dễ sanh. Người tham thiền niệm Phật rất tốt. Nếu kẻ căn cơ hơi kém, sợ e đời nay chưa được đại ngộ, kiếp sau dễ lạc bến mê, thì nên nhờ sức bi nguyện của Đức A Di Đà để sớm vãng sanh về Cực Lạc. Nếu vị nào chí tâm niệm Phật mà không được sanh về Tịnh Độ, lão tăng xin chịu đọa vào địa ngục Bạt Thiệt (ngục rút lưỡi). Lại như Chân Yết Liễu Thiên Sư, trong bài văn khuyên tu Tịnh Độ, có nói: 'Tại sao người trong tông Tào Động, ngoài sự tập thiền,

còn mật tu Tịnh Độ? Sở dĩ có việc ấy, vì pháp môn niệm Phật là con đường tắt trong các lối tu hành. Xét trong Đại Tạng môn này ngoài sự tiếp dẫn bậc thượng thượng căn còn thâm nhiếp hạng người trung hạ... Bậc đại tượng trong tông môn đã ngộ pháp phi không phi hữu, lại chăm chú tu tịnh nghiệp, có phải sự thấy Phật cửa Tịnh Độ còn giản dị hơn tông môn chăng? Cho nên dù Phật dù Tổ, hoặc Giáo hoặc Thiền, đều do nơi cửa Tịnh Độ đồng về nơi chân nguyên. Vào được môn này, tức có thể vào được vô lượng pháp môn khác...'

Đến như các ngài: Thiên Y Hoàn Thiền Sư, Viên Chiếu Bản Thiền Sư, Từ Thọ Thâm Thiền Sư, Nam Nhạc Tư Thiền Sư, Pháp Chiếu Thiền Sư, Tịnh Yết Thiền Sư, Tịnh Từ Đại Thông Thiền Sư, Thiên Thai Hoàn Ngọc Thiền Sư, Lương Đạo Trân Thiền Sư, Đường Đạo Xước Thiền Sư, Tỳ Lăng Pháp Chân Thiền Sư, Cô Tô Thủ Nạp Thiền Sư, Bắc Nhân Giản Thiền Sư, Thiên Mục Lễ Thiền Sư, những đại lão ấy là bậc tông tượng trong thiền môn, song xét ra chỗ mật tu và hiển hóa đều phát dương ý chỉ Tịnh Độ, tuy không ước hẹn mà ngẫu nhiên đồng đường. Chẳng những các vị đại lão ấy như thế mà thôi, tôi lại thường nghe một vị kỳ túc bên tông môn nói: 'Hầu hết ngũ gia tông phái và những thiền tăng trong thiên hạ, đã tỏ ngộ cùng chưa tỏ ngộ, đều quy hướng về Tịnh Độ.' Hỏi lý do thì vị đó đáp: 'Ngài Bá Trượng Trí Hải Thiền Sư là đích tử của Giang Tây Mã Tổ, những tông lâm trong thiên hạ đều y theo cách thức của ngài mà kiến lập và thanh quy ở khắp thiền môn đều y theo pháp chế của ngài mà cử hành. Từ xưa đến nay không ai dám có lời thị phi và trái với pháp chế ấy. Theo thanh quy của ngài, thì nghi thức tụng cầu cho những vị tăng bệnh nặng có lời văn như sau: 'Phải nhóm chúng lại, tất cả đồng tụng bài kệ tán Phật A Di Đà, rồi cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc trăm câu, ngàn câu. Khi niệm xong, hồi hướng phục nguyện rằng: Nếu các duyên chưa mãn, sớm được an lành. Như hạn lớn đến kỳ, sanh về A Dương.' Đó chẳng phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao? Lại trong nghi thức đưa những vị tăng đã tịch có đoạn nói: 'Đại chúng đồng niệm A Di Đà Phật hồi hướng phục nguyện rằng: Thần siêu cõi tịnh, nghiệp dứt đường trần, thượng phẩm sen nở hiện kim thân, nứt sanh Phật trao phần quả ký.' Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao? Đến như lúc trà tỳ, trong thanh quy lại dạy: Vị Duy Na chỉ dẫn khánh niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật mười lần, đại chúng đồng xướng họa theo.

Khi xướng xong, lại hồi hướng rằng: 'Trước đây xưng dương mười niệm, phụ giúp vãng sanh...' Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao? Cho nên lão tăng nói: 'Các thiền gia trong thiên hạ đều quy hướng Tịnh Độ, là bởi nguyên nhân đó.' Tôi nghe những lời dẫn chứng của vị kỳ

túc ấy đều có y cứ, nên không biện bác ra sao được. Nhân đó tôi lại chợt hiểu chỗ lập pháp của ngài Bá Trượng tất có thâm ý nhiệm màu.

Nay ông ở tông lâm, thân đã đưa không biết bao nhiêu vị tăng quy tịch, tai cùng miệng đã nghe và xướng không biết bao nhiêu lần mười niệm, ý đã chuyên chú hồi hướng về Tịnh Độ lại không biết bao nhiêu lần nữa! Thế mà ông đã không hiểu ý Tổ Sư, đã không phát lòng thức tỉnh, lại làm bảo: những bậc ngộ đạt không nguyện vãng sanh. Quả thật cái bệnh chấp thiên trong thiên hạ, không còn ai hơn ông được.

**4. Hỏi:- Sự nhiếp cơ của Tịnh Độ quả thật là rộng, ngu giả không còn dám luận bàn. Nhưng tôi thường nghe nói: 'Di Đà bản tánh, Tịnh Độ duy tâm,' trong ý cũng có trộm mừng! Đến chừng xem qua các kinh luận về tông này, thì Tịnh Độ là miền Cực Lạc ngoài muôn ức cõi. Di Đà là vị giáo chủ ở Liên Bang. Như vậy thì kia đây cách xa, ngoài nghĩa lý duy tâm bản tánh rồi! Thế là ý chỉ gì?**

Đáp:- Chỗ hiểu ấy còn nông cạn hẹp hòi. Ông không biết rằng chân tâm của ông rộng rãi và sáng suốt vô cùng? Kinh Lăng Nghiêm nói: 'Những non sông đất liền cho đến hư không ở ngoài sắc thân ta, đều là cảnh vật trong chân tâm màu sáng.' Lại nói: 'Các pháp sanh hóa, đều là hiện cảnh của duy tâm.' Thế thì đâu có cõi Phật nào ngoài tâm ta ư? Cho nên ý nghĩa của Tịnh Độ duy tâm là nói cõi Tịnh Độ ở trong chân tâm của ta, như biển cả nổi lên vô lượng bóng bọt, mà không có bóng bọt nào ở ngoài biển cả. Lại như những hạt bụi nơi đất liền, không có hạt bụi nào chẳng phải là đất; cũng như không có cõi Phật nào chẳng phải là tâm. Nên Tiên Thánh đã nói: 'Chỉ một tâm này có đủ bốn cõi là: Phạm Thánh Đồng Cư, Phương Tiện Hữu Dư, Thật Báo Vô Chướng Ngại, và Thường Tịch Quang.'

Cõi Phạm Thánh Đồng Cư có hai: Đồng Cư Tịnh Độ và Đồng Cư Uế Độ. Đồng Cư Uế Độ là như cõi Ta Bà trong quốc độ này có phàm có thánh ở chung lẫn, mà phàm và thánh đều có hai hạng. Hai hạng của phàm là ác chúng sanh, tức bốn thú, và thiện chúng sanh, tức trời người. Hai hạng của thánh là thật thánh và quyền thánh. Thật thánh là các thánh như thuộc bốn đạo quả, bậc Bích Chi Phật, bậc thất địa trong Thông giáo, thập trụ trong Biệt giáo, thập tín hậu tâm trong Viên giáo. Những vị này phần thông hoặc tuy dứt song sắc thân quả báo hãy còn, nên đều gọi là thật. Quyền thánh là các vị Bồ Tát trụ ở những cõi Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang cùng bậc Diệu Giác (Phật) vì làm lợi lạc cho kẻ hữu duyên nên ứng sanh vào cõi Đồng Cư. Bởi tùy cơ thị hiện nên gọi là quyền. Những vị trên đây cùng với phàm phu đồng ở, nên gọi là Phạm Thánh Đồng Cư, và cảnh cư trú về phần khí thể giới, có hầm hố, gai góc, bùn đất, cùng các tướng

nhờ nhờ, về phần hữu tình giới có bốn ác thú, nên gọi là Uế Độ. Đồng Cư Tịnh Độ là như cõi Cực Lạc, tuy y báo chánh báo nơi đây trang nghiêm màu nhiệm, không có bốn ác thú, song cũng gọi Phạm Thánh Đồng Cư vì chúng sanh sanh về cõi này không phải đều là bậc đắc đạo. Như trong kinh nói: 'Hạng người phạm tội nặng, khi lâm chung chí tâm sám hối và niệm Phật, đều được vãng sanh.' Do đó nên biết nơi cõi này chúng sanh còn hoặc nhiễm cũng có thể được ở. Thế Giới Cực Lạc cũng có hai hạng Thánh Cư và bởi y báo chánh báo đều sạch sẽ trang nghiêm, nên gọi là Tịnh Độ. Để nói rộng thêm, tuy gọi Tịnh Độ nhưng thật ra trong ấy có nhiều hạng hơn kém không đồng. Như thế giới Diệu Hỷ tuy là Tịnh Độ, song còn có nam nữ và núi Tu Di, và Tịnh Độ đã như thế, uế độ cũng như vậy.

Cõi Phương Tiện Hữu Dư là chỗ ở của bậc Nhị Thừa và ba hạng Bồ Tát đã chứng Phương Tiện Đạo. Những vị này do tu hai môn quán, dứt phần thông hoặc, phá hết trần sa, bỏ thân phân đoạn thọ thân pháp tánh, tự tại ở ngoài ba cõi; nhưng vì họ chưa đoạn được biệt hoặc vô minh nên còn có sự biến dịch sanh tử. Sở dĩ gọi phương tiện vì đó là cảnh giới của hành nhơn tu chứng Phương Tiện Đạo. Gọi hữu dư là bởi họ chưa đoạn được vô minh. Cho nên trong Thích Luận nói: 'Ngoài tam giới có cõi Tịnh Độ, đây là chỗ của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật cư trú, thọ Pháp Tánh thân, không còn sự phân đoạn sanh tử.'

Cõi Thật Báo Vô Chướng Ngại là nơi không có hàng Nhị Thừa, chỉ thuần là bậc pháp thân Bồ Tát ở. Những vị này phá từng phần vô minh, chứng từng phần pháp tánh, được quả báo chân thật. Song vì họ chưa đoạn hết vô minh nên còn nhuận vô lậu nghiệp, thọ báo thân pháp tánh, và cảnh giới này cũng gọi là Quả Báo Độ. Kinh Nhân Vương nói: 'Ba hiền mười thánh trụ quả báo' là chỉ cho sự việc trên đây. Sở dĩ gọi Thật Báo, vì các Đại Sĩ ấy do quán thật tướng, phát được chân vô lậu thọ hưởng quả báo chân thật. Gọi Vô Chướng Ngại là bởi chư Bồ Tát đây, tu chân không định, sắc cùng tâm không ngăn ngại lẫn nhau. Trong Kinh Hoa Nghiêm thuyết minh thế giới Nhân Đà La Vĩng, chính là cảnh này.

Cõi Thường Tịch Quang là chân lý pháp giới như như, sáng suốt cùng cực của bậc Diệu Giác. Đây là Phật Tánh Chân Như, tức độ là thân, tức thân là độ, thân và độ không hai, là trụ xứ của Đức Tỳ Lô Giá Na, cũng gọi là Pháp Tánh Độ. Thường chính là đức pháp thân. Tịch là đức giải thoát. Quang là đức bát nhã, như chữ Y (Y) có ba điểm, không thể cách lìa, một tức là ba, ba nguyên vẫn một. Đây cũng gọi là Bí Mật Tạng, là cảnh giới du hóa của Như Lai, cứu cánh chân thường, thanh tịnh cùng cực.

Hai cõi trước là chỗ ở của Ứng Thân Phật. Cõi thứ ba cũng thuộc về Ứng cũng thuộc về Báo, mà chánh thức là chỗ ở của Báo Thân Phật. Cõi thứ



tư không phải Ứng và Báo mà kiêm cả Ứng, Báo, là chỗ ở của Pháp Thân Phật.

Bốn cõi trên đây tùy theo chỗ tu chứng mà phân chia, song kỳ thật vẫn là một. Cho nên chân tâm bao trùm muôn tượng, vô biên quốc độ như vi trần ở khắp mười phương, chính là cảnh giới trong tâm ta, hằng sa chư Phật trong ba đời, cũng là các Đức Phật trong tâm ta; tất cả không ngoài bản tâm mà có. Hiểu được lý này thì biết không có cõi nào chẳng nương nơi tâm ta mà kiến lập, không có vị Phật nào chẳng nương nơi tánh ta mà xuất sanh. Thế thì miền Cực Lạc ngoài mười muôn ức cõi há chẳng phải là cảnh Tịnh Độ của duy tâm ư?

Thế Giới Cực Lạc đã như thế, thì vị giáo chủ ở cõi ấy cũng là Đức Di Đà của bản tánh. Nên biết chỉ một tâm này bao trùm đủ mười giới, thân và độ dung thông, trùng trùng không ngại. Lại nên biết tâm, Phật, chúng sanh, ba chính là một, đồng thể không khác nhau, chúng sanh và Phật hỗ hiện, mỗi niệm giao tham. Cho nên cổ đức nói: 'Chúng sanh trong tâm chư Phật, mỗi trần đều là Cực Lạc, chư Phật trong tâm chúng sanh, mỗi niệm chính thật Di Đà. Mười phương tịnh uế gom về trong khoảng sát na. Một niệm sắc tâm, bủa khắp gồm thấu pháp giới.' Xem thế thì biết tất cả đều sẵn đủ trong thể thiên chân, không phải do duyên khởi mới thành lập. Một tâm niệm đã như thế, một điểm trần lại khác chi? Vì vậy nên mới có thể: 'Trong mỗi mỗi trần tất cả cõi. Trong mỗi mỗi tâm tất cả tâm. Mỗi mỗi tâm trần lại khắp nhau. Trùng trùng không tận không chướng ngại. Đồng thời hiện rõ không ẩn hiện. Tất cả viên thành chẳng kém hơn.' Cảnh giới chân tâm bao hàm vô biên quốc độ trên đây, như lưới báu Thiên Châu của trời Đế Thích, bóng và ánh sáng của bao nhiêu hạt châu đều gom hiện vào một hạt châu, bóng và ánh sáng của một hạt châu lại hiện khắp vào tất cả các hạt châu khác. Tuy mỗi mỗi hạt châu giao hiện lẫn nhau, nhưng hạt châu này không thể là hạt châu kia, hạt châu kia không thể là hạt châu này, xen mà không tạp, lìa mà chẳng phân, mỗi mỗi khắp bầy, vẫn không sờ tại! Thế giới Cực Lạc cho đến mười muôn ức cõi mỗi miền cũng như một trong các hạt châu. Nói tinh tế hơn khắp mỗi cõi từ tam thừa thánh hơn cho đến trời, người, tu la, súc sanh, nạ quỷ, địa ngục, mỗi mỗi lại cũng như một trong các hạt châu. Và Đức A Di Đà cũng là một trong các hạt châu. Cho nên, thấy một vị Phật, tức thấy mười phương chư Phật, mà cũng là thấy chín giới chúng sanh ở khắp mười phương. Cõi Phật vô biên, mười phương kim cổ toàn thể là một hải ấn đốn viên, không còn pháp chi khác nữa!

Như thế thì, thân trải qua mười muôn ức cõi, chính hóa sanh trong bản tâm ta; chất gỏi nơi chín phẩm hoa sen, há cách biệt ngoài chân như Phật? Những lời dẫn giải trên đây đều là những minh huấn của Phật, Tổ,

Thánh, Hiền đã tuyên dương vậy. Hiểu được lý này tất sẽ thấy thế giới Cực Lạc là duy tâm, mỗi cõi Phật mỗi điểm trần đều là duy tâm; Đức Di Đà là bản tánh, mỗi vị Phật mỗi chúng sanh cũng đều là bản tánh. Như thế lại còn chi phải nghi ngờ?

### **Lời phụ:**

Pháp giới chân tâm là một thể rộng rãi vô biên, bao hàm vi trần thế giới, chư Phật và chúng sanh. Trong thể nhất chơn ấy, phần thế giới chúng sanh luôn luôn biến đổi, thuộc về sanh diệt môn; phần tịch quang lặng màu sáng suốt và thường hằng, gọi là chân như môn. Chân tâm là một thật thể chung, gồm hai môn hữu vi và vô vi đó. Tất cả những danh từ: Chân Tâm, Bản Tánh, Bản Thể, Phật Tánh, Như Lai Tạng, Pháp Giới, Pháp Tánh, Thật Tướng, Niết Bàn, Pháp Thân, Vô Cấu Bạch Tịnh Thức, Như Lai A Lại Da Thức, Bản Lai Diện Mục, Bát Nhã, Chân Không, đều là chỉ cho thật thể ấy. Để trở về thật thể này, giáo môn của Phật chia làm hai. Các tông như: Thành Thật, Tam Luận, Thiên Thai, Thiền, Thai Tạng Bộ của Mật Giáo, từ nơi không môn mà đi vào. Còn các tông: Câu Xá, Pháp Tướng, Luật, Hoa Nghiêm, Tịnh Độ, và Kim Cang Bộ của Mật Giáo, lại do nơi hữu môn mà thể nhập. Cho nên những vị hiểu sâu về lý Bát Nhã của Thiền, hay lý huyền môn của Hoa Nghiêm, đều nhận rõ sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc chính là không, không chính là sắc. Trái lại, các vị học chưa thấu đáo, nếu không chấp có tất cũng chấp không. Nhưng chấp có thì còn biết kiêng sợ nhân quả, lánh dữ làm lành, đời sau hưởng phước nhân thiên, hoặc chuyên niệm Phật lại có thể sanh về Tịnh Độ. Đến như chấp không tất sẽ đi đến chỗ bài nhân quả, bác Phật Thánh, tương lai bị đọa xuống tam đồ. Cho nên tiên đức đã răn bảo: 'Thà chấp có như non Tu, chớ chấp không như hạt cải!'

Vị thiên giả trên, vì chưa nhận rõ chân tâm, nên nghe nói 'duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà', vội hiểu lầm rằng tâm mình thanh tịnh đó là Tịnh Độ là Di Đà rồi, chớ không có cõi Cực Lạc hay Đức Di Đà nào khác nữa. Phật Pháp dù ở xứ nào, Trung Hoa hay Việt Nam cũng có hạng người tà kiến chấp không ấy. Đại khái họ bác không có Di Đà, Cực Lạc, không có địa ngục, thiên cung, hoặc như nói Địa Tạng là tâm địa tánh tạng, chớ không có Đức Địa Tạng nào cả. Như người đeo cặp kiến đen thì thấy nơi nào cũng tối tăm, những kẻ ấy dù có giảng thuyết bao nhiêu lời, diễn dịch bao nhiêu kinh sách, kết cuộc cũng lạc vào bịnh không chấp. Những kẻ chấp không thường tự cao tự mãn, cho mình là cao siêu, bác người là chấp tướng. Xét ra khi diễn dịch kinh, họ cũng có tâm muốn hoằng dương Phật Pháp, không dè ngược lại thành ra kết quả hủy báng Tam Bảo; tự mình đã sai lầm, khiến cho bao nhiêu người khác bị lầm lạc theo. Ví như kẻ dung y

đem tâm muốn cứu đời, chẳng ngờ sự học hiểu về y dược không rành, trở lại làm cho nhiều người thêm bệnh.

Cho nên sự dịch kinh, thuyết pháp, vị tất là có phước, là hoàng dương Phật Giáo nếu hành giả lạc vào tà kiến, không hiểu ý kinh.

**5. Hỏi:- Đã gọi tịnh uế dung thông, mỗi điểm trần đều là Cực Lạc, tại sao cõi Ta Bà lại thành uế độ?**

Đáp:- Do nghiệp cảm của phàm phu, chính nơi tịnh mà thành uế. Còn Phật nhãn nhìn xem tất cả uế đều thành tịnh. Báo cảnh của Đức Thích Ca, há phải thật là uế ư?

**6. Hỏi:- Lý duy tâm bao gồm tất cả, viên dung không ngại, tôi đã tin là rộng lớn, là nhiệm mầu. Nhưng kẻ còn trệ nơi tình mê, chưa liã nghiệp uế, làm sao mà được thanh tịnh?**

Đáp:- Tâm nhơ thì cõi nhơ, tâm sạch thì cõi sạch. Kinh Duy Ma nói: 'Muốn được Tịnh Độ, trước phải tịnh tâm; tùy tâm thanh tịnh, cõi Phật thanh tịnh.' Pháp tu Tịnh Độ là một môn huyền diệu để đi đến chỗ tịnh tâm, không còn phương tiện nào đặc biệt hơn nữa!

**7. Hỏi:- Về phần đại khái của pháp môn Tịnh Độ, tôi có thể nghe được chăng?**

Đáp:- Tịnh Độ nguyên không chi tu, tu nhân bởi mê làm mới có; pháp môn vẫn không cao thấp, cao thấp do căn lành mà phân. Vì chúng sanh căn cơ sai biệt nhau, nên pháp tu cũng có nhiều cách. Tuy nhiên, nếu tóm lại, có thể chia thành ba môn là: quán tưởng, ức niệm, và chúng hạnh.

Môn thứ nhất, nói quán tưởng là như trong Quán Kinh dạy: 'Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các ông tưởng Phật, thì tâm ấy chính là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biến chánh biến tri của Phật từ nơi tâm tưởng mà sanh. Vì thế các ông phải nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân Đức Phật kia.'

Thiên Thai Sớ nói: Mấy chữ chư Phật Như Lai sắp xuống, là thuyết minh tất cả chư Phật; mấy chữ phải nhớ nghĩ sắp xuống, là chỉ cho quán tưởng riêng Đức A Di Đà. Pháp giới thân là pháp thân của Báo Phật. Tâm chúng sanh tịnh, pháp thân tự hiện, nên gọi là vào; như khi vàng hồng nhật mọc lên tất bóng hiện xuống trăm sông. Đây là chỉ cho Phật thân tự tại, có thể tùy vật hiện hình vậy. Lại pháp giới thân là chỉ cho thân Phật, khắp tất cả

chỗ, lấy pháp giới làm thể. Khi hành giả chứng được môn quán Phật Tam Muội này, giải nhập tương ưng, nên nói vào trong tâm tưởng. Tâm này làm Phật là Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có. Tâm này là Phật, ý nói trước nghe bảo: Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có, sợ e người hiểu lầm cho rằng bỗng nhiên mà có, nên mới nói là Phật. Mới khởi tu quán nên nói làm, sự tu đã thành nên gọi là.

Diệu Tông Thích nói: 'Muốn tưởng thân Phật, phải hiểu rõ quán thể. Thể đó là bản giác, từ nơi đây mà khởi thành pháp quán. Bản giác là thân pháp giới của chư Phật, vì chư Phật không sở chứng chi khác, toàn chứng bản tánh của chúng sanh. Nếu thi giác có công, bản giác mới hiển, nên nói 'pháp thân từ nơi tâm tưởng mà sanh.' Lại Đức Di Đà cùng tất cả chư Phật đồng một Pháp thân một trí huệ, sự ứng dụng cũng như vậy. Hiển được thân Đức Di Đà tức là hiển được thân chư Phật, tỏ được thân chư Phật tức là lộ được thể Di Đà. Cho nên trong văn kinh nói rộng qua chư Phật để kết về sự quán tưởng Đức A Di Đà. Từ mấy chữ thân pháp giới trở xuống là nói về sự giao cảm của đạo cảm ứng và ước về lý giải nhập tương ưng.

Phê bình về hai lời giải trên, ngài Dung Tâm đã nói: 'Nếu không có lời giải trước, thì môn quán tưởng ấy không phải là quán Phật; như không có lời giải sau, e học giả hiểu lầm rằng thể của chúng sanh và Phật, khác nhau. Hai lối giải đã tác thành cho nhau mà thuyết minh quán pháp vậy.'

Môn thứ hai, nói ức niệm là hành giả hoặc duyên theo tướng tốt, hoặc trì danh hiệu của Phật, đều gọi là ức niệm. Môn này có lý có sự. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Giải Thoát trưởng giả nói: 'Nếu tôi muốn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai và thể giới An Lạc, thì tùy ý liền được thấy. Tôi có thể biết rõ tất cả chư Phật, quốc độ tùy thuộc, cùng những việc thần thông của các Ngài. Bao nhiêu cảnh tượng trên đây, không từ đâu mà đến, không đi về đâu, không có xứ sở và không chỗ trụ; cũng như thân tôi không thật có đi, đứng, tới lui. Các Đức Như Lai kia không đến chỗ tôi, tôi cũng không đi đến chỗ của các Ngài. Sở dĩ như thế, vì tôi hiểu rõ tất cả chư Phật cùng với tâm mình, đều như mộng. Lại hiểu tự tâm như nước trong chum, các pháp như hình bóng hiện trong nước. Tôi đã ngộ tâm mình như nhà huyền thuật, tất cả chư Phật như cảnh huyền hóa. Lại biết chư Phật Bồ Tát trong tự tâm, đều như tiếng vang, như hang trống tùy theo âm thanh mà phát ra tiếng dội lại. Vì tôi ngộ giải tâm mình như thế nên có thể tùy niệm thấy Phật.'

Về đoạn kinh trên, ngài Trinh Nguyên giải rằng: 'Từ câu đầu đến mấy chữ chỗ của các ngài chính là thuyết minh lý duy tâm, nếu ngộ tức tâm mà vô tâm liền vào chân như Tam Muội. Khi hành giả hiểu rõ các cảnh tượng đều hư huyền, duy tâm hiện ra, đã ngộ duy tâm và tức tâm là Phật, thì tùy

chỗ tưởng niệm, không đâu chẳng là Phật. Đoạn sau nêu ra bốn điều thí dụ: cảnh mộng là dụ cho lý không đến không đi, hình bóng trong nước là dụ cho lý không ra không vào, tướng huyễn hóa là dụ cho lý chẳng có chẳng không, tiếng vang là dụ cho lý chẳng tan chẳng hợp. Và dụ thứ nhất là nói toàn thể đều duy tâm, dụ thứ hai nói vì duy tâm nên không, dụ thứ ba nói vì duy tâm nên giả dụ, thứ tư nói vì duy tâm nên trung. Bốn dụ đều đủ bốn quán gồm thông và biệt để hiển lý duy tâm, tất cả vẫn viên dung không ngại, đó là ý Kinh Hoa Nghiêm.'

Nếu hành giả hiểu rõ lý trên đây, rồi chấp trì bốn chữ A Di Đà Phật, không dùng tâm có, tâm không, tâm cũng có cũng không, tâm chẳng phải có chẳng phải không, dứt cả quá khứ hiện tại vị lai mà niệm, đó gọi là lý ức niệm. Và ngày đêm sáu thời cứ như thế mà nhiếp tâm trì niệm không cho gián đoạn, không sanh một niệm thì chẳng cần vượt giai tầng mà đi thẳng vào cõi Phật. Đây cũng gọi là lý nhất tâm.

Về sự ức niệm, như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: 'Nhớ Phật niệm Phật, hiện đời hoặc đương lai nhất định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, không cần mượn phương tiện chi khác mà tâm tự được khai ngộ.' Hay như các kinh sách khác đã chỉ dạy, hoặc hệ niệm suốt một đời, hoặc trì niệm trong ba tháng, bốn mươi chín ngày, một ngày đêm, cho đến bảy ngày đêm, hoặc mỗi buổi sớm mai giữ mười niệm. Nếu hành giả dùng lòng tin sâu, nguyện thiết, chấp trì câu niệm Phật như rồng gặp nước, như cọp dựa non, thì được sức Phật gia bị đều vắng sanh về Cực Lạc. Theo trong kinh, cho đến hạng phàm phu tạo tội ngũ nghịch thập ác, nếu khi lâm chung chí tâm xưng danh hiệu Phật mười niệm, cũng được vắng sanh. Và đây gọi là sự nhất tâm.

Nói tóm lại, lý nhất tâm là người thông đạt bốn lý quán trên, dùng tâm ấy mà niệm Phật, tương ứng với không huệ, đi đến chỗ thuần chơn. Sự nhất tâm là hành giả tâm còn giữ niệm, mỗi niệm không cho xen hở, đi đến chỗ không còn tạp niệm. Lý nhất tâm là hành môn của bậc thượng căn, sự nhất tâm thông về hàng trung hạ.

Môn thứ ba, nói chúng hạnh là hành giả dùng nhiều hạnh để vắng sanh về Cực Lạc. Như trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát khuyến tấn Thiện Tài Đồng Tử và đại chúng nơi hải hội dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tịnh Độ. Mười đại nguyện ấy là: lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu sự cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ các công đức, thỉnh Phật chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ ở đời, thường theo Phật tu học, hằng tùy thuận chúng sanh, và hồi hướng khắp tất cả. Trong mỗi nguyện ấy đều có nói: khi nào cõi hư không, cõi chúng sanh, nghiệp chúng sanh, phiền não của chúng sanh hết, thì nguyện tôi mới hết. Và hành giả

phải dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý, thật hành nguyện đó không gián đoạn, không chán mỏi. Đến khi lâm chung, tất cả mọi thứ tùy thân đều để lại, cho đến các căn đều tan rã, duy đại nguyện ấy hằng theo bên mình trong khoảng sát na hành giả liền được sanh về Cực Lạc. Đây là nói về dùng nguyện lực để vãng sanh.

Lại như trong Kinh Đại Bảo Tích, Đức Thế Tôn bảo ngài Di Lặc: 'Mười thứ tâm này, không phải hạng phàm ngu, bất thiện, kẻ nhiều phiền não có thể phát được. Mười thứ tâm ấy là gì?'

1. Đối với chúng sanh khởi lòng đại từ, không làm tổn hại.
2. Đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, không làm bức náo.
3. Với chánh pháp của Phật, hết lòng hộ trì, không tiếc thân mạng.
4. Với chánh pháp sanh lòng thẳng nhẫn, không chấp trước.
5. Tâm điềm tĩnh an vui, không tham sự lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng.
6. Tâm cầu chủng trí của Phật trong tất cả thời không quên lãng.
7. Đối với chúng sanh khởi lòng tôn trọng cung kính, không cho là hạ liệt.
8. Không tham trước thế luận, với phần Bồ Đề sanh lòng quyết định.
9. Tâm thanh tịnh không tạp nhiễm, siêng trồng các căn lành.
10. Đối với chư Phật, xả ly các tướng, khởi lòng tùy niệm.

Đây là mười thứ phát tâm của Bồ Tát, do tâm này nên được vãng sanh. Nếu có kẻ nào thành tựu một trong mười tâm trên, muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà không được như nguyện, đó là điều không khi nào có.' Đoạn kinh trên là nói về dùng tâm lực để vãng sanh.

Lại nữa, như trong Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật: 'Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tụng trì thần chú Đại Bi, mà còn bị đọa vào ba đường ác, tôi thề không thành Chánh Giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được sanh về các cõi Phật, tôi thề không thành Chánh Giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng Tam Muội biện tài, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được như nguyện, thì chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni; duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành.' Ngoài ra, những kẻ chí tâm trì tụng các chú như: Bạch Táng Cái, Chuẩn Đề, Vãng Sanh, đều có thể sanh về Cực Lạc hoặc các Tịnh Độ khác. Đây là nói về dùng thần lực để vãng sanh.

Và, như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: 'Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu ba thứ phước: 1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi

không giết hại, tu mười nghiệp lành. 2. Thọ trì tam quy, giữ kỹ các giới, không phạm oai nghi. 3. Phát lòng Bồ Đề, tin lý nhân quả, đọc tụng kinh điển đại thừa, khuyến tấn người tu hành. Ba thứ phước này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.' Đây là nói về dùng phước lực để vãng sanh.

Ngoài ra những kẻ cất chùa, xây tháp, tạo tượng, lễ bái tán tụng, giữ gìn trai giới, đốt hương, rải hoa, cúng dường tràng phang bảo cái, trai tăng bố thí, nếu hạnh lành thuần thực, dùng lòng tín nguyện hồi hướng, đều có thể vãng sanh. Các điều dẫn ra trên đây gọi là chúng hạnh. Nhưng nguyện hạnh đã có lớn nhỏ không đồng, lý sự sai biệt, thì việc thấy Phật, nghe pháp, cảm thọ y chánh tất cũng có hơn kém khác nhau, đây là chỉ nói phần đại lược.

### **Lời phụ:**

Muốn sanh về Cực Lạc, hành giả có thể dùng một trong các hạnh: nguyện lực, tâm lực, thần lực, phước lực để hồi hướng, không phải chỉ đặc biệt có môn quán tưởng hay trì danh. Tuy nhiên, trong bốn phương pháp ấy, người tu phải thật hành cho đến độ công đức tinh thuần, hạnh lành thành tựu mới có hy vọng. Mà kẻ dung thường thì nghiệp chướng nặng không dễ gì đoạn, hạnh lành khó không dễ gì thành, duy có hạnh trì danh nương cầu nơi tha lực, là chắc chắn nhất. Cho nên, Ấn Quang Pháp Sư đã nói: 'Hạng phàm phu kém cõi mà được vãng sanh, toàn là nhờ từ lực của Như Lai.' Vậy người niệm Phật đời nay muốn cho phần vãng sanh được đảm bảo, nên lấy sự trì danh làm phần chánh, còn các công đức như: tụng kinh, trì chú, bố thí và những hạnh lành khác, để vào phần trợ, mới là đường lối an toàn. Trong ba môn của ngài Thiên Như trình bày, đại khác môn thứ nhất nói về Thật Tướng Niệm Phật, hạng trung hạ khó hành trì. Môn thứ ba, thì hạng dung thường, nhiều nghiệp duyên, cũng ít có hy vọng, chỉ nên dùng làm phần trợ. Duy phương pháp sự trì danh thuộc môn thứ hai là mọi người đều có thể thật hành và có hy vọng thành tựu. Tuy nhiên, vì căn tánh của chúng sanh khác nhau, ngài phải nói cho đủ để mọi người tùy sở thích mà lựa chọn. Về phần dịch giả chỉ căn cứ theo phần đồng hạng dung thường đời nay mà biện minh sự lợi hại thế thôi.

**8. Hỏi:- Tôi nghe Thiện Tài Đồng Tử là bậc viên đốn lợi căn, một đời được chứng quả. Sao Đức Phổ Hiền không khuyên ngài sanh về cõi Hoa Tạng mà lại khuyên sanh về Cực Lạc, là ý thế nào?**

Đáp:- Trong Hoa Nghiêm Sớ có lời hỏi ấy. Sớ bản đã đáp: 'Việc đó hàm ẩn nhiều lý do: vì có nhân duyên, vì dễ tâm niệm được quy nhất, vì không lìa cõi Hoa Tạng, vì tức là bản sư.' Hai lý do trước dễ hiểu. Lý do thứ ba là

trong thế giới Hoa Tạng có vi trần cõi Phật, miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức Phật độ, tất cả đều không ngoài số sát chủng ấy. Lý do thứ tư là như trong kinh nói: 'Hoặc thấy pháp hội Phật Vô Lượng Thọ, có nhiều vị Bồ Tát như Quán Thế Âm vi nhiễu, liền khen ngợi thân dị hóa của Đức Tỳ Lô Giá Na. Tỳ Lô Giá Na Như Lai là Giáo Chủ cõi Hoa Tạng, Đức A Di Đà đã là thân dị hóa của ngài thì đâu có khác chi ngài, vì thế nên mới nói 'tức là bản sư.' Trong ấy lại nói: 'Phổ Hiền Bồ Tát vì Thiện Tài và hải chúng kết khuyến về Cực Lạc bởi ngài Thiện Tài là bậc tin hiểu viên thông, vào trí Văn Thù, tu hạnh Phổ Hiền, phước huệ và sự lý đều xứng hợp pháp giới. Đó là bậc đại tâm, tuy đã ngộ thể bản minh, đồng hàng với chư Thánh, nhưng vì lực dụng chưa đầy đủ, không thể nhập thể làm lợi ích khắp quần sanh như các Đức Như Lai. Vì thế Phổ Hiền Bồ Tát khuyên ngài, cho đến hải chúng, nương về Tịnh Độ, gần gũi Di Đà, không ngoài ý muốn cho tất cả được mau chứng quả Phật.'

**9. Hỏi:- Trong môn chúng hạnh nói: 'Nguyện hạnh đã có lớn nhỏ không đồng, lý sự sai biệt, thì việc thấy Phật, nghe pháp, cảm thọ y chánh, tất cũng có hơn kém khác nhau; thế thì hai môn quán tưởng ức niệm, nhân tu không đồng, sự cảm tướng có khác nhau chăng?**

Đáp:- Việc ấy cố nhiên là phải khác. Vì thế ngài Vĩnh Minh đã bảo: 'Sự vắng sanh có chín phẩm, không phải đồng một bậc. Hoặc có kẻ nương về hóa quốc, thấy ứng thân của Phật; hoặc có vị sanh nơi báo độ, thấy chân thể của Như Lai; hoặc có kẻ trải qua nhiều kiếp, mới chứng quả tiểu thừa, hoặc có vị vừa sanh một đêm liền siêu lên thượng địa. Nói tóm lại, vì người vắng sanh căn hạnh không đồng, có độn căn lợi căn, có định ý tán ý, nên hoa nở có sớm muộn, quả chứng có chậm mau, thời hạn rất là cách biệt.' Từ Vân Sâm Chủ cũng bảo: 'Tuy chia ra chín phẩm nhưng đó chỉ là lược phân; nếu tế phân lẽ ứng phải có vô lượng phẩm.'

**10. Hỏi:- Cực Lạc chỉ là cõi Đồng Cư, không phải cõi Thật Báo, tại sao lại nói: 'hoặc có vị sanh nơi báo độ, thấy chân thể của Như Lai?'**

Đáp:- Ông cho rằng có cõi Thật Báo ở riêng ngoài cõi Đồng Cư hay sao? Nên biết ba cõi kia không lìa cõi Đồng Cư mà có, chỉ khác là thân, cảnh và sự thọ dụng không đồng nhau thế thôi! Như trong kinh nói: 'Thân của Phật A Di Đà cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do tuần.' Các bậc cổ đức bình giải cho đó là thân Thật Báo. Chẳng những thế giới Cực Lạc có bốn độ không đồng, mà các cõi khác cũng đều như vậy. Nên ngài Kinh Khê nói: 'Ngay cõi Ta Bà này có đủ bốn độ. Như đương thời hải hội Hoa Nghiêm không lìa Thệ Đa Lâm, mà các bậc đại Thanh Văn vẫn không nghe thấy và hay biết.'



**11. Hỏi:- Nếu cõi Ta Bà có đủ bốn độ, thì chỉ nên ở tại đây mà lần lượt tu hành, cần chi phải cầu sanh Cực Lạc?**

Đáp:- Cõi này tuy đủ bốn độ, nhưng vì thuộc về Đồng Cư Uế Độ, nên người tu khó trừ nghiệp nhiễm. Muốn thoát ly nhiễm nghiệp, hành giả phải cầu sanh về Đồng Cư Tịnh Độ ở Liên Bang. Nên Tứ Minh Tôn Giả nói: 'Cõi Ta Bà cảnh duyên trước ác nặng, người tu phải chứng đến vị thập tín mới thoát khổ luân. Miền Cực Lạc cảnh duyên thắng diệu nên khi về chín phẩm đều lên hàng bất thối. Ông há không nghe trong Kinh Pháp Hoa nói có những vị thọ giáo với Đại Thông Trí Thắng Như Lai, từ đó đến nay đã trải qua số kiếp như bụi nhỏ của vô lượng vô biên cõi Phật mà còn ở nơi địa vị Thanh Văn hay sao? Ấy đều bởi do mãi thôi chuyển nên phải trải qua thời kiếp lâu xa. Chẳng hạn như ngài Xá Lợi Phất tiền kiếp đã chứng đến lục trụ mà còn thối tâm, huống nữa là hạng tu hành lơ láo ư? Nói chung, ở cõi này vì có nhiều chướng duyên, nên người tu dễ bị lui sụt. Nên tiên đức đã bảo: 'Số lượng Bồ Tát mới phát tâm nhiều như bông xoài trứng cá, nhưng kết cuộc còn lại không được bao nhiêu.' Nếu kẻ nào biết hướng về Cực Lạc, nhờ thắng duyên bên cõi ấy, dù cho hạng phàm phu thấp thỏi, cũng lên ngay ngôi bất thối. Đây là lý do tất yếu trong sự cầu sanh, mà các hành nhơn nên suy gẫm kỹ.

**12. Hỏi:- Trong mười phương, cõi đồng cư Tịnh Độ rất nhiều. Nay lại riêng chỉ thế giới Cực Lạc và duy khen cảnh duyên ở cõi ấy thắng diệu, là tại sao?**

Đáp:- Kinh Phật Thuyết A Di Đà nói: 'Chúng sanh ở cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc.' Cảnh duyên ở Cực Lạc rất thù thắng, có nhiều sự kiện thuận lợi cho chúng sanh nơi cõi này hơn các Tịnh Độ khác, mà tâm lượng của phàm phu trong tam giới không thể thấu hiểu được. Nay xin tạm đem cảnh duyên ở Ta Bà đối chiếu để so sánh lược qua:

Ở cõi này loài người bầm thọt thân hình huyết nhục, có sanh là có khổ; cõi kia thì chúng hữu tình đều hóa chất nơi hoa sen, không còn sự khổ về sanh. Ở cõi này thời tiết đổi dời, con người lần lần đi đến cảnh già yếu; cõi kia là thế giới trường xuân, không có đêm, ngày, nóng, lạnh, chúng sanh không bị sự khổ suy già. Ở cõi này con người thân tứ đại khó điều hòa, dễ sanh nhiều bệnh hoạn; cõi kia thì chúng sanh thể chất kim cương thơm sạch, không có sự khổ về yếu đau. Ở cõi này con người ít ai sống đến bảy mươi, cơn vô thường mau chóng; cõi kia thì chúng sanh thọ số đến kiếp lượng vô biên, không có sự khổ về chết. Ở cõi này con người bị sợi dây thân tình ái luyến ràng buộc, chịu đau khổ vì nổi tử biệt sinh ly; nơi cõi kia chúng sanh hóa thân nơi hoa sen, không có cha mẹ vợ con, nên không bị

khổ về ân tình chia cách. Ở cõi này ai không có kẻ thương người ghét, nên khi oán thù gặp gỡ tất phải chịu nhiều nỗi phiền não gian truân; nơi cõi kia toàn là bậc thiện như đấng giúp đỡ lẫn nhau, không có sự khổ về oan gia hội ngộ. Ở cõi này con người phần nhiều nghèo khổ thiếu kém, dù kẻ giàu sang cũng có biết bao ước vọng không thành; nơi cõi kia, sự thọ dụng về ăn, mặc, ở, các thứ trân bảo, bao nhiêu điều mong muốn, đều được hóa hiện tự nhiên, chúng sanh an vui, không có nỗi đau buồn về thất vọng. Ở cõi này con người hoặc hình thể xấu xa, các căn không đủ; cõi kia chúng sanh đều có 32 tướng tốt, thân kim cương xinh đẹp, có ánh quang minh. Ở cõi này chúng sanh xoay vần trong nẻo luân hồi, nơi cõi kia bậc thượng thiện đều chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Ở cõi này có đủ bốn ác thú khổ não; nơi cõi kia tên ba ác đạo hãy còn không. Ở cõi này nhiều gò nổng hang hố, rừng rậm chông gai, đầy đầy các tướng như ác; nơi cõi kia thì vàng ròng làm đất, cây báu vút trời, lầu chót trên châu, hoa đua bốn sắc. Ở cõi này thì Song Lâm đã khuất, Long Hoa còn xa; nơi cõi kia, Di Đà Thế Tôn hiện đang thuyết pháp. Ở cõi này thì Quán Âm, Thế Chí, luống mền danh lạnh; nơi cõi kia, chư Bồ Tát thượng như hằng làm thắng hữu. Ở cõi này thì các ma cùng ngoại đạo, làm não loạn bậc chánh tu; nơi cõi kia, Phật hóa tinh thuần, ngoại ma tuyệt tích. Ở cõi này thì sắc thịnh danh lợi, khiến mê hoặc người tu; nơi cõi kia, y chánh sạch nghiêm, không còn duyên nhiễm. Ở cõi này thì ác thú muỗi mòng, khiến hành như không yên ổn; nơi cõi kia, nhạc cây chim nước, hằng nói pháp âm. So sánh lược qua hai cõi, cảnh duyên hơn kém thật đã cách xa, nếu nói cho kỹ thì sự ưu liệt làm sao kể xiết! Tuy nhiên tóm lại phần khái yếu cũng không ngoài hai quan điểm: một là vì cảnh Cực Lạc thù thắng, nên có thể khích phát lòng mong mền và quy hướng của loài hữu tình; hai là duyên liên quốc nhiệm màu, nên có thể giúp ích cho người vãng sanh dễ tiến mau trên đường tu chứng. Vì thế, cõi Đông Cự Tịnh Độ ở mười phương tuy nhiều, song riêng cõi Cực Lạc có đầy đủ thắng duyên, các kinh luận đều chỉ quy, cũng do lẽ đó.

**13. Hỏi:- Trong mười phương có vô số chư Phật, những chúng sanh hữu tâm đều có thể thân cận. Nay lại riêng suy cử Đức A Di Đà, là tại sao?**

Đáp:- Trong ấy có ba lý do: Vì Đức A Di Đà thệ nguyện sâu rộng, vì chúng sanh ở cõi này có nhân duyên lớn với Ngài, và vì sự giáo hóa của hai Đức Thế Tôn ở Tây Phương và Đông Độ liên quan nhau.

Về nguyên nhân thứ nhất, như kinh Vô Lượng Thọ nói: Đức A Di Đà trong thời kỳ tu nhân, đã phát nhiều thệ nguyện rộng lớn. Phần khái yếu trong các lời nguyện ấy là: 'Khi tôi thành Phật, nếu có chúng sanh nào muốn sanh về nước tôi, siêng tu các căn lành và chí tâm xưng danh hiệu tôi cho

đến mười niệm, như kẻ ấy không được vãng sanh thì tôi thề không thành chánh giác. Kẻ nào đã sanh về nước tôi mà còn bị thối chuyển và không quyết định được thành Phật, tôi thề không thành chánh giác.' Nên trong Hoa Nghiêm Sớ nói: 'Phật A Di Đà có lời thề sâu nặng nguyện tiếp dẫn chúng sanh ở cõi Ta Bà.'

Về nguyên nhân thứ hai, khi Phật Thích Ca còn ở đời, chúng sanh nghe lời từ huấn, quy hướng về Đức A Di Đà rất nhiều. Từ khi Đức Thế Tôn niết bàn về sau, không luận là hàng tăng tục nam nữ, giàu nghèo sanh hèn, kẻ đã nghe chánh pháp hay chưa biết gì về Phật Giáo vẫn thường xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Dù cho hạng hung dữ, kẻ không lòng tin, khi gặp cảnh nguy khốn tai nạn, hay lúc vui mừng, thán oán, bất giác cũng kêu gọi A Di Đà Phật. Cho đến trẻ nhỏ khi chơi đùa vẫn thường nắn hình, vẽ tượng Phật A Di Đà; người hát xướng hay đũa hài nhi năm ba tuổi nói năng chưa rành, cũng biết niệm A Di Đà Phật. Sự không ai khuyến khích mà vẫn biết niệm ấy không phải do nhân duyên là gì? Lại như trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thế Tôn đã bảo: 'Nay ta nói kinh này khiến cho chúng sanh được thấy Phật Vô Lượng Thọ và quốc độ của Ngài. Những kẻ muốn bước lên đường giải thoát, nên cầu vãng sanh. Pháp môn này mọi người đều có thể tu, chớ vì ta diệt độ rồi mà sanh lòng nghi hoặc. Trong đời đương lai, khi tam tạng giáo điển đã diệt hết, ta dùng nguyện lực từ bi, duy lưu kinh này trụ thế một trăm năm. Những chúng sanh nào có duyên được gặp, tùy ý mong cầu thấy đều đắc độ.' Lại nói: 'Sau khi kinh này diệt rồi, Phật pháp hoàn toàn mất hẳn trong đời, chỉ còn lưu truyền bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh; kẻ nào không tin mà hủy báng, sẽ bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các sự khổ.' Vì lẽ đó, nên ngài Thiên Thai nói: 'Phải biết Đức Phật kia đối với cõi trược này, có nhân duyên rất lớn.'

Về nguyên nhân thứ ba, thì các vị tiên giác đều bảo: 'Đức Thích Ca ứng sanh nơi cõi uế, đem các duyên: như ác, khổ não, vô thường, chướng nạn, mà chiết phục chúng sanh, khiến cho họ sanh lòng nhàm chán mà tu theo chánh đạo. Đức Di Đà hiện thân nơi cõi tịnh, dùng các duyên: trong sạch, an vui, lâu dài, không thối chuyển mà nhiếp hóa loài hữu tình, khiến cho họ khởi tâm ưa mến mà trở lại nguồn chân. Hai bậc Thánh Nhơn đã dùng hai môn chiết và nhiếp làm cho chánh giáo lưu hành, nên sự hóa độ có liên quan nhau. Lại Đức Bồ Nhữ ngoài sự chỉ dạy ba thừa để giáo hóa chúng sanh, đặc biệt nói thêm môn Niệm Phật để nhờ Đức A Di Đà tiếp dẫn những kẻ còn chưa được độ. Vì thế, trong các kinh đại thừa, Đức Thế Tôn đã ân cần dặn bảo, luôn luôn khen ngợi và khuyến khích sự vãng sanh.'

Ba lý do trên đây đã nói rõ tại sao Đức A Di Đà được riêng suy cử, trong số mười phương chư Phật.

**14. Hỏi:- Về việc duy chỉ cõi Cực Lạc, riêng suy cử Đức A Di Đà, cùng những ý nghĩa: chiết, nhiếp, chán, ưa, tôi đã nghe lời diệu chỉ. Nhưng thiết tưởng chân tâm vẫn bình đẳng trong lành, nếu còn niệm chán ưa, tức là còn sự ghét, yêu, lấy, bỏ. Như thế có lỗi hay chẳng?**

Đáp:- Ông chưa hiểu sâu về việc trên, nên mới có lời hỏi ấy. Sự chán ưa đó không phải là lòng yêu ghét của thế gian, mà chính là đường lối chung để chuyển phàm thành thánh của mười phương chư Phật. Nếu không chán bỏ, làm sao chuyển phàm; nếu không có ưa lấy, làm sao thành thánh?

Cho nên từ phàm phu đi đến thánh vị, từ thánh vị đi đến Đẳng Giác, khoảng thời gian tăng tiến đó, đều ở trong vòng lấy bỏ chán ưa. Chừng nào hành nhơn đã chứng đến ngôi cực quả là Diệu Giác, mới không còn sự lấy bỏ chán ưa, vào thể như như bình đẳng. Vì thế tiên đức đã bảo: 'Người tu trước tiên phải có lấy bỏ để đi đến chỗ không lấy bỏ. Khi sự lấy bỏ đã chí cực, thì cùng với sự không lấy bỏ vẫn đồng nhau.' Huống chi pháp môn Tịnh Độ vốn do Đức Thích Ca và Di Đà kiến lập, một vị khuyến khích cầu sanh, một vị giữ phần tiếp dẫn; nếu người tu tịnh nghiệp không có niệm chán bỏ thì làm sao lìa cõi Ta Bà, không có tâm ưa cầu, làm sao sanh về Cực Lạc? Sự sanh về Tịnh Độ chẳng qua là mượn thắng duyên bên cõi ấy để mau thành quả Bồ Đề, thì việc lấy bỏ chán ưa đã không có công lớn thì thôi, sao lại cho là có lỗi?

**15. Hỏi:- Thuyết lấy bỏ đã đúng, tôi không còn dám luận bàn. Song việc vắng sanh chẳng biết có trái với lý vô sanh hay chẳng?**

Đáp:- Ngài Thiên Thai đã bảo: 'Người trí sớt sáng cầu sanh Tịnh Độ, song hiểu rõ sanh thể vốn không. Đó chính là lý sanh mà vô sanh, và tâm tịnh cõi Phật thanh tịnh. Kẻ ngu bị cái sanh ràng buộc, nghe nói sanh hiểu là thật có sanh, nghe nói vô sanh lại nhận làm rằng không sanh về đâu cả. Đâu biết sanh tức là vô sanh và vô sanh há lại ngại gì sanh ư?' Trường Lô Thiên sư nói: 'Cho sanh là thật có sanh, lạc vào lỗi chấp thường; cho vô sanh là không có sanh, lạc vào lỗi chấp đoạn. Sanh mà không sanh, không sanh mà sanh, mới chính thật đệ nhất nghĩa đế.' Thiên Y Thiên Sư cũng bảo: 'sanh thì quyết định sanh, song về vẫn thật không về.' Lý thuyết của ba Đại Sư trên, ý nghĩa rất rõ ràng; nay tôi xin đem hai chữ tánh, tướng để giải thích rộng thêm. Về phần tánh thì chân tâm màu lạng, thể nó vốn tự không sanh. Về phần tướng thì khi nhân duyên hòa hợp, trong chân tâm vẫn huyền hiện ra các tướng sanh diệt. Vì tánh hay hiện tướng, nên nói vô sanh tức là sanh. Vì tướng do tánh mà hiện, nên gọi sanh tức

là vô sanh. Hiểu được nghĩa này thì sanh về Tịnh Độ, tức là sanh trong thể duy tâm, sanh mà không sanh, lý đâu có trái!

**16. Hỏi:- Thuyết vãng sanh, ý nghĩa đã rõ ràng. Song về việc đó, hàng học giả đời nay, trong ngàn muôn người, mấy ai được thông hiểu? Vì thế họ đều nghĩ rằng miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi, lộ trình đã xa vời, khi mạng chung làm sao có thể đến nơi? Chẳng biết Đại Sư có phương sách gì để thuyết minh việc ấy chăng?**

Đáp:- Mối nghi ấy thật đã vớ vẩn! Tôi đã nhiều lần nói ngoài tâm không độ, ngoài độ không tâm, mà ông còn chưa hiểu sao? Song việc ấy không chi khác, chỉ vì nhiều người đã nhận lầm rằng tâm mình thuộc vào phạm vi nhỏ hẹp ở trong sắc thân. Họ đâu ngờ đó chỉ là vọng thức, mà thật ra chân tâm của mỗi người rộng rãi vô biên, bao trùm sa giới, đầy khắp thái hư. Cho nên mười phương hư không vô tận vô cùng, hằng sa thế giới vô biên vô số, đều bị tâm lượng của ta bao trùm và đầy khắp tất cả. Xem thế thì biết mười muôn ức cõi chỉ ở trong tâm ta, kỳ thật rất gần, có chi là xa? Và khi mạng chung được vãng sanh, cũng chỉ sanh ở trong tâm ta, kỳ thật rất dễ, có chi là khó? Thập Nghi Luận nói: 'Mười muôn ức cõi là đối với tâm lượng của hạng nhục nhãn phàm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói đó thôi. Nếu đối với chúng sanh tịnh nghiệp thành tựu, thì tâm ở trong định khi lâm chung, chính là tâm thọ sanh về Tịnh Độ, vừa động niệm liền được vãng sanh. Vì thế trong Quán Kinh nói: 'cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa.' Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, trong niệm liền được sanh về cõi Phật, không cần phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở nơi giường mà tâm đi khắp các nơi xa lạ như lúc còn thức. Sự sanh về Tịnh Độ đại để cũng như vậy.

Các kinh có chỗ nói trong khoảng khảy ngón tay, liền được vãng sanh. Có chỗ nói khoảng co duỗi cánh tay, hoặc nói trong khoảnh khắc. Nên Tỳ Tán Lục đã bảo: 'Trong khoảnh khắc liền vượt qua mười muôn ức cõi, vì tự tâm vốn nhiệm màu.' Những điểm thí dụ trên đại ý chỉ cho: vì sanh trong chân tâm rộng lớn của mình, nên rất dễ và rất gần đó thôi. Hãy gác qua việc chân tâm rộng, nay tôi chỉ căn cứ nơi tâm lượng phàm phu nhỏ hẹp của ông, lập ra một thí dụ cho dễ hiểu: Ví như từ đây sang xứ Tây Thiên Trúc, lộ trình trải qua nhiều nước và xa hơn mười muôn dặm. Có người tuy chưa đi đến Tây Thiên, nhưng nghe kẻ khác đã đi rồi trở về thuật lại rành rẽ, để ý ghi nhớ kỹ nơi lòng. Về sau người ấy trong khi ngồi nằm, bỗng động niệm nhớ lại việc trước, suy nghĩ trải qua ngàn dặm đến nước nào, muôn dặm đến nước nào, và kết cuộc đến xứ Thiên Trúc ra làm sao; liền thấy hiện ra cảnh giới của mỗi giai đoạn, lúc nghĩ tới đâu như thấy mình thân hành đến ngay nước đó. Sự vãng sanh về Cực Lạc cũng không ngoài đạo lý ấy, trong khoảng khảy ngón tay hoặc trong một niệm liền đi

đến, có chi là khó khăn ư? Nếu ông không tu Tịnh Độ mà muốn đến Cực Lạc, cố nhiên là khó; như tịnh nghiệp của ông thành tựu thì sự đi đến rất dễ dàng. Chỉ cần quyết tâm là sẽ được mãn nguyện, Phật Thánh không khi nào có lời nói dối đâu!

**17. Hỏi:- Không tu tịnh nghiệp, tất khó vãng sanh, đó là điều chắc chắn. Nhưng tại sao hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung cũng có thể vãng sanh? Điểm ấy tôi còn chưa hiểu và có chỗ nghi ngờ, mong Đại Sư chỉ dạy rành rẽ?**

Đáp:- Trong Quán Kinh đã dạy: 'Hạ phẩm hạ sanh là như có người tạo tội ngũ nghịch, thập ác, làm đủ các việc không lành, do vì ác nghiệp, nên đáng lẽ phải bị đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng! Nhưng khi lâm chung, kẻ ấy được gặp thiện tri thức an ủi và thuyết pháp cho nghe, khuyên phải nhớ tưởng đến Phật; song đương nhơn vì bị sự khổ bức bách nên không nhớ tưởng được. Thiện hữu lại bảo: 'Nếu ông không thể nhớ Phật, thì hãy chí tâm xưng Nam Mô A Di Đà Phật âm thanh liên tiếp nhau cho đủ mười niệm.' Người ngu ác kia vãng lời hết lòng xưng danh, nên trong mỗi niệm diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Khi người ấy niệm Phật, bỗng thấy hoa sen vàng chói sáng như vàng nhứt hiện ra ở trước, trong khoảng một niệm, đương nhiên liền được sanh về thế giới Cực Lạc và kế tiếp đó phải ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp. Khi hoa sen nở ra, kẻ ấy thấy Đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng đại bi, vì mình nói thật tướng của các pháp và cách trừ diệt tội chướng. Đương nhơn nghe pháp rồi tự nhiên vui vẻ, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.'

Đoạn kinh trên chỉ rõ cảnh tượng của bậc hạ phẩm hạ sanh. Mười hai đại kiếp ở trong hoa sen, tuy thời gian có lâu xa, nhưng người vãng sanh thấy mình ở trong một bầu thế giới riêng biệt, hưởng thọ sự vui như chư thiên nơi cung trời Đao Lợi. Vì thế cổ đức đã bảo: 'Trong hoa vui vẻ như Đao Lợi. Khác hẳn thai phàm của thế gian.'

Theo Quán Kinh Sớ, thì người nghịch ác mà được vãng sanh, là do khi lâm chung, kẻ ấy chí tâm niệm Phật, nên tội chướng được tiêu trừ. Thế thì ý của Sớ Văn cho sự niệm Phật là thắng duyên vãng sanh. Riêng tôi, sau khi tham khảo các kinh luận và sớ giải về Tịnh Độ, lại ước kết trong ba nghĩa:

Điều thứ nhất, hành nhơn chỉ niệm Phật trong thời gian ngắn ngủi mà có thể thắng nổi nghiệp ác trọn đời, là do nhờ tâm lực rất mạnh mẽ ý chí cực quyết định; đó gọi là đại tâm. Tình cảnh ấy ví như người bị quân giặc vây khốn, đang lúc nguy cấp, do liều chết không kể đến thân mạng, nên phát được sức dũng mãnh cùng cực, xông phá vượt ra khỏi trùng vi.

Điều thứ hai, kẻ ấy tuy tạo ác, song hoặc hiện đời đã có tu Tam Muội, nên khi lâm chung nghe người nhắc bảo, định lực được dễ thành. Đây cũng thuộc về hạng người, mà trong nhà Phật gọi là thừa cấp giới huân. Nếu đương nhơn hiện đời không tu Tam Muội, tất đời trước cũng đã có huân tu. Hạt giống lành ấy nay đã đến thời kỳ thuần thực, nên khi lâm chung gặp thiện tri thức khuyên bảo, kẻ đó nương nơi túc thiện nghiệp, trong mười niệm mà được thành công.

Điều thứ ba, nếu không phải do công tu trong hiện đời hay nghiệp lành về kiếp trước, tất khi lâm chung kẻ ấy đã niệm Phật với lòng sám hối tha thiết cùng cực. Nên ngài Vĩnh Minh nói: 'Vì thể nhân duyên vốn không, nên nghiệp thiện ác chẳng định; muốn rõ đường siêu đọa, phải nhìn nơi tâm niệm kém hơn. Cho nên một lượng vàng ròng thặng nổi bông gòn trăm lượng, chút lửa le lói đốt tiêu rơm cỏ muôn trùng.'

Một trong ba nhơn duyên trên, cộng thêm công đức của Phật hiệu, nguyện lực của Di Đà, nên khi lâm chung kẻ nghịch ác mới thắng được tội khiên, sanh về Cực Lạc.

**18. Hỏi:- Sống trong đời ác năm trước, mỗi người đều có tội; giả sử không tạo tội nặng ngũ nghịch, thì cũng vướng vào các lỗi khác. Nếu có người không sám hối, hoặc sám hối mà tội chưa tiêu diệt hết, khi bình thời và lúc lâm chung đều chí tâm niệm Phật, thì có được vãng sanh hay chẳng?**

Đáp:- Những kẻ hành trì như thế đều được vãng sanh, do nhờ sức đại nguyện không thể nghĩ bàn của Đức A Di Đà. Kinh Na Tiên nói: 'Như đem tảng đá thật to để trên thuyền, do nhờ sức thuyền nên đá không bị chìm và được chuyển sang bờ bên kia. Nếu không có thuyền thì dù đem hạt cát để xuống nước, hạt cát ấy cũng vẫn bị chìm.' Tảng đá to dụ cho người nghiệp nặng, hạt cát dụ cho người nghiệp nhẹ, chiếc thuyền dụ cho nguyện lực của Phật. Người dù nghiệp nặng bao nhiêu mà biết ăn năn chí tâm niệm Phật thì cũng được Phật tiếp dẫn, ví như tảng đá to được thuyền chở qua bờ bên kia. Kẻ nghiệp tuy nhẹ mà không niệm Phật, khi mạng chung sẽ tùy nghiệp chịu khổ luân hồi, ví như hạt cát bị chìm, bởi không thuyền chuyên chở. Cho nên trong nhà Phật có thuyết đơi nghiệp vãng sanh, là còn mang nghiệp mà được sanh về Tây Phương, chính ý nghĩa đó. Trong Tịnh Độ văn, đoạn nói về bốn cõi cũng bảo: 'Người còn đủ hoặc nhiễm, vẫn được sanh về Đồng Cư Tịnh Độ.' Như Hùng Tuấn, Trương Chung Quý, và một người ở Phần Châu đều lấy nghiệp đồ sát làm nghề sanh sống; khi lâm chung cả ba người kẻ thì thấy bầy trâu ồ ạt kéo đến muốn chém, kẻ lại thấy thần nhơn đuổi bầy gà đến mổ khắp cả mình và đôi mắt,

làm cho máu chảy ươt giường. Nhưng nhờ chí tâm niệm Phật, nên cả ba đều thoát khỏi nghiệp nê lê (địa ngục), được sanh về Cực Lạc. Sự tích này có chép rõ trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Những việc trên đây không phải bằng chứng của Phật lực là gì?

Xin đem một thí dụ nữa để nói rõ: Như có người phạm pháp quan đáng lẽ phải bị tù ngục, nhưng kẻ ấy biết cầu cứu với vua, nhờ che chở cho để chờ lúc lập công; do vua tuyên triệu nên quan không thể gia hình. Đương nhơn nhờ đó mà đi thẳng đến đế kinh, không ai cầm bắt được. Cho nên bộ Tây Tư Sao nói: 'Chúng sanh được về Tịnh Độ là do nhờ Đức Thích Ca chỉ đường, Phật A Di Đà tiếp dẫn, và chư Phật mười phương đều hộ niệm. Như người qua biển cả, đã được thuyền to, lại nhờ tay lương đạo, thêm vào đó sức gió thuận, nên có thể mau đến bờ bên kia. Nếu còn không chịu bước lên thuyền, lưu liên nơi miền ác địa, đó là lỗi của ai ư?'

**19. Hỏi:- Trước đã nói: 'Hàng phàm phu cũng được lên ngôi bất thối.' Theo thiền ý, ngôi bất thối là để cho hạng người không ác nghiệp. Nay những kẻ đối nghiệp vãng sanh mà cũng được bất thối ư?**

Đáp:- Chỉ được vãng sanh là đều lên hàng bất thối chuyển. Kinh nói: 'Những kẻ sanh về, đều trụ nơi chánh định tụ.' Lại nói: 'Ở cõi Cực Lạc, chúng sanh nào sanh về đó, đều là bậc A Bệ Bạt Trí.' Thập Nghi Luận nói: 'Có năm nhân duyên khiến cho người vãng sanh không thối chuyển: 1- Do nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì. 2- Ánh sáng của Phật thường soi đến thân, nên lòng Bồ Đề của chư thiện nhơn luôn luôn tăng tiến. 3- Chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc, thường phát ra tiếng pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã; hành giả nghe rồi sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. 4- Chúng sanh được sanh về Cực Lạc, thì bạn lành toàn là bậc Bồ Tát thượng thiện, tuyệt tất cả chướng nạn, ác duyên, lại không ngoại đạo, tà ma, nên tâm thường an tịnh. 5- Đã được sanh về cõi ấy, thì thọ lượng vô cùng, đồng với Phật và Bồ Tát, an nhiên tu tập trải qua vô biên A Tăng Kỳ kiếp,' Cổ đức cũng bảo: 'Không nguyện sanh Tịnh Độ thì thôi, có thật nguyện tất đều được vãng sanh. Không sanh Tịnh Độ thì thôi, đã vãng sanh tất đều được bất thối chuyển.'

**20. Hỏi:- Kẻ một đời tạo ác, khi lâm chung duy niệm Phật, đã được đối nghiệp vãng sanh, lại còn không thối chuyển; nguyện lực của Đức A Di Đà thâm diệu, thật không thể nghĩ bàn! Vậy thì bây giờ tôi tạo tác theo duyên đời, đợi khi sắp chết rồi sẽ niệm Phật có được chăng?**

Đáp:- Khổ thay! Lời ấy rất ngu muội sai lầm, còn nguy hiểm hơn thứ rượu độc, đã hại mình lại làm hại lây đến hàng tăng ni, người, thiện tín trong đời



nữa! Sở dĩ hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung biết niệm Phật, là do từ trước họ đã có căn lành, phước đức, nhân duyên, nên mới được gặp thiện tri thức, mới khởi lòng tin tưởng và phụng hành. Đó là việc cầu may trong muôn một, đâu phải mỗi người đều được như thế? Luận Quán Nghi nói: 'Trong đời có mười hạng người khi lâm chung không niệm Phật được: 1- Không gặp bạn lành, nên chẳng ai khuyên niệm. 2- Nghiệp khổ bức thiết, không yên ổn rảnh để niệm Phật. 3- Trúng phong cứng họng, không thể xưng danh Phật. 4- Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng niệm. 5- Thoạt gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm tĩnh chí thành. 6- Bỗng gặp cạp beo ác thú làm hại. 7- Khi lâm chung bị bạn ác phá hoại lòng tin. 8- Gặp bạo bệnh hôn mê bất tỉnh mà qua đời. 9- Bị trúng thương thoát chết giữa quân trận. 10- Từ trên cao té xuống mà mạng vong.'

Mười sự kiện trên đây là những việc thường nghe thấy, không luận tăng, tục, nam, nữ, hạng nào cũng có thể bị vướng vào. Đó là do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm, nên sự việc bỗng nhiên xảy ra, không còn trốn tránh kịp. Ông đã không phải là bậc thánh như chứng túc mạng thông, biết được khi lâm chung có nghiệp hay không nghiệp, lại chẳng phải là bậc đủ tha tâm, thiên nhãn, biết mình khi mạng chung chết tốt hoặc xấu, mà bình thời không niệm Phật, đến khi lâm chung nếu rủi mắc phải một trong mười duyên ác đó, thì sẽ liệu ra sao? Chừng ấy dù có Phật sống hay bao nhiêu thiện tri thức đứng vây quanh cũng không làm thế nào cứu được, và thần thức ông sẽ tùy theo nghiệp đi vào chốn tam đồ bát nạn, nhiều kiếp chịu khổ, biết có còn được nghe danh hiệu của Phật như ngày nay chăng?

Giả sử ông không bị những ác duyên đó, chỉ bệnh sơ sài rồi mãn phần, thì lúc sắp chết bốn đại phân ly, gân xương rút chuyển, thân tâm đau đớn kinh hoàng, như con đò mỗi bị lật vẫy, con cua rớt vào nước sôi, làm sao mà niệm Phật? Dù cho ông không bệnh mà chết một cách yên ổn nữa, khi lâm chung hoặc e duyên đời chưa dứt, niệm tục còn vương, nỗi tham sống sợ chết làm cho tâm ý rối loạn phân vân cũng không niệm Phật được. Nếu là người tục, thì lại thêm gia vụ chưa xong xuôi, việc sau chưa sắp đặt, vợ kêu con khóc, trăm mối ưu tư cũng không rảnh để niệm Phật. Chẳng đợi lúc lâm chung, giả sử trước khi ông chưa chết mà có chút bệnh nơi thân, phải gắng chịu sự đau khổ, rên rỉ không yên, tìm thuốc hỏi thầy, nhờ người cầu an sám hối, tạ niệm rồi ren, chưa dễ nhiếp tâm niệm Phật. Dù lúc ông chưa có bệnh, thì bị tuổi cao sức yếu, đủ sự kém suy, áo não buồn than, chỉ lo sự việc trên cái thân già còn chưa xong, chắc chi đã niệm Phật? Ví như lúc ông chưa già, thân lực đang cường tráng, mà còn đeo việc thế, chưa dứt niệm đời, bôn tẩu đông tây, âu lo đủ việc, biến thức mệnh mang, làm sao có thể niệm Phật? Dù ông được muôn duyên rảnh rảnh, có chí tu hành, nhưng đối với tướng thế gian, nếu nhìn không thấu,

nắm không vững, dứt không xong, khi xúc đối với ngoại duyên không thể tự chủ, tâm tùy theo cảnh mà điên đảo làm sao yên chí để niệm Phật?

Ông thử nghĩ xem, chỉ khi già, bệnh, cho đến thuở mạnh khỏe an nhàn nếu còn một việc đeo đẳng nơi lòng, cũng không thể chánh tâm niệm Phật, huống nữa là đợi đến lúc lâm chung ư? Phương chi, ông lại còn nói tạo tác theo duyên đời, đó phải chăng là lời si mê, là chỗ dụng tâm rất nên làm lỗi? Vả sự nghiệp thế gian, như giấc mơ, trò huyễn, như bóng bọt, tiếng vang, chỉ thoáng chốc rồi không, nó có lợi ích chi thiết thật cho ông trên đường giải thoát? Dù cho ông có tạo được chùa chiền qui mô rộng lớn, gây nên thanh thế địa vị cao tôn, kết thân với nhiều kẻ quyền chức sanh giàu, trong tâm tự hào cho đó là đã thành công nơi đường tu, đâu ngờ thật ra chính lại phạm nhằm điều răn của tiên thánh! Bởi cổ đức từng khuyên giới rằng: 'Người xuất gia phải chí thú nơi sự giải thoát, đừng quá đua theo công nghiệp hữu vi, vì trong ấy có nhiều lầm lỗi, e cho thiên đường chưa thấy, địa ngục đã trước! Nếu việc sống chết chưa xong, thì tất cả công nghiệp hữu vi đều là nguyên nhân của sự khổ. Một mai nhắm mắt đi rồi, tùy theo nghiệp mà thọ báo, chừng ấy mới hay việc đã làm là trên gông cùm thêm xiềng xích, dưới vạc nóng thêm củi than, mãnh pháp y đã mất nơi thân, nẻo dị loại đổi hình muôn kiếp!'

Qua mấy lời trên, nếu người có chí giải thoát, biết cảm thương thân thể của mình, phải nên động lòng rơi lệ! Tổ sư đã tha thiết khuyên răn như thế, đâu có hứa cho ông tạo tác duyên đời, rồi đợi khi lâm chung mới niệm Phật ư?

Ông há không thấy Tử Tâm Thiền Sư bảo: 'Trong đời, những người tiền của như núi, thê thiếp đầy nhà, đâu phải họ không muốn trễ mãi để ngày đêm hưởng phước báo thế gian? Nhưng vì kiếp sanh có hạn, tháng năm thúc dục tuổi già, cái chết há thiên vị kẻ giàu sang, sức nghiệp đâu nề kiêng người tài trí? Chừng ấy tội hành nghiệp cảm, còn chi là thói phong lưu; kiếp trả đền vay, luống hỏi cho đời phóng đảng! Những việc vừa nói, thế nhân hầu hết mắt đã từng thấy và tai cũng đã từng nghe. Người đời thường lần lựa chờ khi lớn tuổi, việc nhà xong xuôi rồi sẽ niệm Phật, nhưng cái chết đâu có hẹn trẻ hay già, và tuy nói như thế, đã mấy ai tuổi cao mà biết lo niệm Phật? Cổ hơn bảo: 'Chớ đợi đến già rồi niệm Phật. Đồng hoang mồ trẻ đã nhiều đây!' Lại nói: 'Con người từ lúc còn trẻ, có gia đình rồi đến nuôi con cái, trong cuộc sanh sống phải chịu biết bao là nỗi khổ nhọc đắng cay! Khi hơi thở đã tàn thì gia đình tiền của, tất cả đều bỏ lại hết, chỉ theo nghiệp mà đi. Nếu là con có nghĩa thì nó khóc cho ít tiếng, đốt cho mấy xấp giấy tiền, rước thầy tụng cho năm ba bộ kinh, rồi đến ngày lại sắm cơm canh cúng quảy; đó gọi là còn biết tưởng nhớ đến mẹ cha. Rủi gặp con bất hiếu, thì cha mẹ vừa nhắm mắt, đầu xương chưa

lạnh, nó đã lo tranh nhà giành đất, cãi cọ kiện thưa, khi được phần rồi lại phung phí ăn chơi, thậm chí lãng quên ngày cúng giỗ. Việc đời kết cuộc bất quá chỉ như thế, có điều chi đáng hẹn chờ! Cho nên bậc hiền rộng thấy xa, phải sớm niệm Phật tu hành, con cháu mỗi người tự có phước riêng, kẻ làm cha mẹ chỉ lo bốn phận phần nào mà thôi, chớ vì nó suốt đời làm thân trâu ngựa! Xin dẫn thêm ra đây mấy lời của cổ đức: 'Cười thương kẻ giàu sang. Lo giàu thêm rộn ràng! Hủ gạo sanh sâu mọt. Kho tiền đầy ngổ ngang. Ngày cầm cân suy nghĩ. Đêm đốt đuốc tính toán. Hình hài trở lẩn thân. Tâm trí rối bòng hoàng. Vô thường khi chợt đến. Biển nghiệp sóng mênh mang!'

Ngài Tử Tâm đã tha thiết nhắc khuyên như thế, đâu có hứa cho ông tạo tác duyên đời rồi đợi đến khi lâm chung mới niệm Phật ư?

Cho nên ông phải xét nghĩ kiếp người mong manh ngắn ngủi, như lửa nhân thân đá, như chớp giạt lưng trời, mới còn đó đã mất đi, có chi là trường cửu? Phải nhận định cho chắc, rồi thừa lúc chưa già chưa bệnh, gác qua thế sự, rửa sạch thân tâm, được một ngày quang âm lo một ngày niệm Phật, được một khắc rồi rảnh tu một khắc công phu, đến lúc lâm chung mọi việc đã an bài, trời tây cũng sẵn mở lối đường quang đặng! Bằng chẳng thế khi duyên nghiệp đáo đầu, chừng ấy ăn năn đã muộn! Nên suy nghĩ kỹ!

**21. Hỏi:- Lời ngu giả đã thành lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể vớt lại kịp! Nghe qua mấy điều Đại Sư chỉ dạy, ai lại chẳng lạnh lòng! Hiềm vì nỗi lòng người tuy dễ tinh tiến song cũng dễ thối lui, khi nghe lời khuyên nhắc thì đồng mãnh siêng năng, lúc gặp việc chi chướng ngại lại giải đãi thối lui ngã theo hướng khác. Phần đông đều bảo: kết quả của sự niệm Phật có lẽ đợi sau khi chết rồi; còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mà không lợi ích chi thiết thật cả. Phải chăng đó cũng là duyên có thích đáng trong sự thối tâm biếng trễ của người tu?**

Đáp:- Chỗ thấy của ông chưa được rộng. Trong kinh nói: Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư thiên, đại lực thần tướng và hằng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ.
2. Thường được hai mươi lăm vị Đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo thủ hộ bên mình.
3. Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm; Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.

4. Tất cả ác quỷ như Dạ Xoa, La Sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.
5. Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạc tử.
6. Những nghiệp ác về trước lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng bị đương nhưn giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo phục.
7. Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành hay thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà.
8. Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.
9. Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.
10. Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh Chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm màu.

Mười điều lợi ích như trên chính do kim khẩu nói ra, mà kinh văn đã ghi chép lại. Niệm Phật đã có lợi ích trong hiện tại và tương lai như vậy, thì đó chính là pháp khải yếu trong các môn thế và xuất thế gian. Cho nên người tu chỉ gắng tinh tấn, đừng mang tâm niệm hoài nghi.

**22. Hỏi:- Về môn niệm Phật, nhờ ơn nhiều phen chỉ dạy, nên các mối nghi đã tiêu tan, và lòng chánh tín cũng đã khai phát. Nhưng trước đã nói: 'Gác qua thế sự, rửa sạch thân tâm,' mà người đời hoàn cảnh đều khác nhau; kẻ được rảnh rỗi thuận duyên thì có thể tuân hành, người bị trăm việc buộc ràng phải làm sao để tu tập?**

Đáp:- Nếu người tu biết thống cảm cảnh vô thường và thiết tha vì sự giải thoát, thì dù gặp duyên thuận nghịch khổ vui, động tịnh gấp huồn, hoặc khi tiếp tân đãi khách, lo việc công tư, đối xử muôn duyên, ứng thù tám mặt, cũng không ngại gì đến sự niệm Phật. Cổ nhưn đã bảo: 'Non cao khó đón đường mây bạc. Trúc rậm khôn ngăn ngọn suốt trong!' Lại nói: 'Mai lại A Di Đà. Chiều cũng A Di Đà. Dù gấp như tên bắn. Không rời A Di Đà.' Cho nên muôn cảnh vẫn nhàn, tự mình nào động, nếu người thiết thật cầu về Cực Lạc và biết cách dụng tâm, thì không có duyên nào làm trở ngại được sự tu niệm cả.

Tuy nhiên, những kẻ năng lực kém yếu, việc đời bận nhiều, phải nên trong gấp cố tìm chút thời giờ rảnh, trong động gắng giữ niệm lắng yên, rồi tùy sức niệm Phật hoặc nhiều hoặc ít. Mỗi ngày nên định khóa hoặc ba muôn hay một muôn câu, ba ngàn hay một ngàn câu, và giữ mực thường hằng,

đừng cho gián đoạn. Nếu vị nào duyên sự quá nhiều, ít có giây phút rảnh, thì mỗi buổi sớm mai tu theo pháp Thập Niệm Hồi Hương, cứ giữ như thế suốt đời, cũng được nhờ ơn tiếp dẫn. Người có thì giờ hay phương tiện, ngoài thời niệm Phật, hoặc trì chú tụng kinh, hoặc sám hối bố thí, tùy phần tùy lực mà tu các phước lành, dù có mảy may công đức, cũng đem hồi hướng Tây Phương. Dụng công như thế, chẳng những quyết định được vãng sanh mà cũng sẽ tăng cao thêm phẩm vị.

**23. Hỏi:- từ trước đến nay, kẻ hậu tiến này chỉ nghe nói nhiều về niệm Phật mà chưa hiểu rõ phương châm; và pháp Thập Niệm Hồi Hương thế nào, riêng lòng cũng chưa được tường tất. Xin nhờ Đại Sư chỉ thị?**

Đáp:- Niệm Phật là duyên tưởng theo ba mươi hai tướng, buộc tâm vào định, làm sao cho khi mở mắt hay nhắm mắt thường được thấy Phật. Hoặc phương pháp nữa là chuyên xưng danh hiệu, chấp trì không tán loạn, cứ bền giữ như thế, trong đời này cũng được thấy Phật. Hiện nay, tôi thấy phần đông người tu Tịnh Độ đều lấy pháp Trì Danh làm thắng. Phép xưng danh cần phải lắng lòng không cho tán loạn, mỗi niệm nối tiếp nhau, buộc tâm nơi hiệu Phật. Khi miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tâm phải soi theo mỗi câu mỗi chữ cho rành rẽ rõ ràng. Khi xưng danh hiệu Phật, không luận ít hay nhiều, đều phải một lòng một ý tâm tâm nối nhau. Niệm như thế, mới có thể mỗi câu diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Nếu chẳng vậy thì tội chướng khó tiêu trừ.

Còn về pháp Thập Niệm, thì mỗi buổi sớm mai hành giả phải quỳ trước bàn Phật, hoặc chấp tay đứng ngay thẳng hướng về phương Tây, niệm Phật liên tiếp, luôn một hơi, cứ mỗi hơi kể một niệm, mười hơi là mười niệm. Khi niệm không hạn số câu ít hay nhiều, chỉ tùy theo hơi dài ngắn, chuyên chú niệm luôn cho hết hơi mới thôi. Nên giữ tiếng niệm Phật cho rành rẽ, không thấp không cao, không gấp không hoãn, niệm mười hơi liên tiếp, chớ để tâm ý tán loạn. Đây là pháp mượn hơi nhiếp tâm, quý ở nơi chuyên nhứt, và phải giữ như thế trọn đời, không được một ngày tạm bỏ.

Về phần hồi hướng là sau khi niệm xong, dùng tâm chí thành nguyện rằng: 'Con là (pháp danh), phát lòng Bồ Đề, một lòng quy mạng Đức A Di Đà, nguyện về Cực Lạc. Xưa Phật lập thế: 'Nếu chúng sanh nào muốn về nước ta, hết lòng xưng danh, cho đến mười niệm, như không được sanh, ta không thành Phật.' Con nguyện nương nhờ, từ lực của Phật, tội diệt phước sanh. Con nguyện lâm chung, biết ngày giờ trước, dứt trừ chướng ngại, Phật cùng Thánh Chúng, tiếp dẫn vãng sanh, mau ngộ Phật Thừa, độ khắp muôn loại.'

Môn Thập Niệm Hồi Hướng trên đây là phương pháp rất thiết yếu của tiên đức đã chỉ dạy. Môn này rất được thanh truyền và có lợi ích cho đời, người niệm Phật nên tuân hành.

**24. Hỏi:- Đối với người ở trong lưới tục, cổ đức đã tùy lượng mà chỉ dạy phương pháp rất cận kề rõ ràng. Nhưng với chúng tôi là hạng người thế ngoại, lại phải làm sao để dụng công?**

Đáp:- Trước tôi đã nói pháp tu có nhiều loại tổng nhiếp thành ba môn. Trong ba môn ấy, mỗi người tùy ý mình lựa chọn hoặc chuyên tu hay kiêm tu, chỉ yếu tâm chân thiết và giữ cho bền lâu, tự sẽ có kết quả.

**25. Hỏi:- Phương tu viên quán, pháp niệm duy tâm, dường như hành môn của bậc thượng khí. Còn mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, cũng là dụng công của hạng lợi căn. Nếu như căn khí không xứng hợp, e cho công hạnh khó thành! Nay tôi tự xét căn tánh và sở thích của mình, thì chỉ nên chuyên trì danh hiệu, nếu rảnh thì thêm lễ Phật sám hối mà thôi. Ý Đại Sư như thế nào?**

Đáp:- Lành thay! Ông biết tự lượng đó! Xét qua lời ông nói thật rất hợp với thuyết chuyên tu vô gián của Thiện Đạo Đại Sư. Thuyết ấy đại khái như sau:

Chuyên tu là do chúng sanh phần nhiều chướng nặng, tâm tưởng thô phù, ý thức rối loạn, mà quán cảnh lại quá tinh tế, nên công hạnh khó thành. Do đó nên đáng đại thánh xót thương, bảo chuyên xưng ngay danh hiệu; vì xưng danh rất dễ, nếu giữ mỗi niệm tương tục, liền được vãng sanh. Kẻ nào suốt đời hành trì như thế, thì mười tu mười người về, trăm tu trăm người về. Bởi tại sao? Vì không tạp duyên nên dễ được chánh niệm. Vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau. Vì không trái giáo pháp. Vì thuận theo lời Phật dạy. Nếu bỏ chuyên tu mà hành theo tạp hạnh để cầu sanh thì trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba bốn. Sở dĩ như thế, vì bởi tạp duyên loạn động làm mất chánh niệm. Vì trái bản nguyện của Phật. Vì trái giáo pháp. Vì không thuận theo lời Phật dạy. Vì sự hệ niệm không nối tiếp nhau. Vì không tương tục để báo ân Phật. Vì tuy có hạnh lành mà tương ứng với danh lợi. Vì ưa theo tạp duyên mà làm chướng sự sanh Tịnh Độ cho mình và người.

Vô gián tu là thân chuyên lễ Phật A Di Đà, không lễ vị thánh nào khác; miệng chuyên xưng danh Phật A Di Đà, không trì tụng các kinh và xưng danh hiệu khác; ý chuyên tưởng Phật A Di Đà, không xen tạp các tưởng niệm khác. Lại khi những nghiệp tham, sân, si, nổi lên làm cho công tu

gián đoạn, phải tùy phạm tùy sám hối, đừng để qua cách ngày, cách đêm, cách giờ. Phải làm sao giữ một niệm thanh tịnh, không xen tạp, không hờ dửng, đó mới thật là vô gián tu.

Trên đây là pháp chuyên tu vô gián của Thiên Đạo Đại Sư. Theo Thiên Trúc Truyện, Đại Sư là hóa thân của Phật A Di Đà. Chỗ lập thuyết của ngài, điểm chính yếu là ở nơi niệm niệm tương tục. Cô Sơn Hòa Thượng cũng bảo: 'Chẳng nên xưng danh tán loạn, phát nguyện lơ là.' Và Vĩnh Minh Đại Sư cũng dạy: 'Phải một lòng quy mạng, trọn kiếp tinh tu khi ngồi nằm thường hướng về Tây. Lúc lễ bái, niệm Phật, phát nguyện, phải khẩn thiết chí thành, không xen lẫn tạp niệm, trạng như người sắp bị hình phạt, như kẻ đang ở lao tù, như người gặp giặc oán rượt theo, như bị nạn nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát khổ luân, mau chứng vô sanh, để nối ngôi Tam Bảo, đền đáp bốn ân, độ loài hàm thức. Chí thành như thế, tất công phu không uổng. Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, lòng tin không vững chắc, niệm lực thường gián đoạn không tương tục, đem sự biếng trễ ấy để mong vắng sanh, thì e cho khi lâm chung khó gặp bạn lành, bị sức nghiệp lôi kéo, sự đau khổ ép bức mà không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi việc hiện tại là nhân, lúc lâm chung là quả; nhân phải cho thật, quả mới không hư, như âm thanh lớn thì tiếng vang dội rền xa, và hình ngay bóng mới thẳng vậy.'

**26. Hỏi:- Tu làm sao cho mỗi niệm nối nhau, thật ra tôi vẫn muốn được như thế. Song chỉ hiềm định lực chưa thành, niệm đầu không chủ, hoặc tri giác cũ khó quên, hoặc tư tưởng vọng nổi dậy, hoặc xúc đối cảnh duyên tự kèm giữ không vững, hoặc tâm tình rối loạn cố ngăn dẹp chẳng kham. Cứ ngồi vào lần chuỗi một lúc, là tâm niệm đã chạy hết đông sang tây, bất giác nó đã đi xa cách mấy ngàn muôn dặm hồi nào, cũng không tự hay biết. Có khi phải bận lo một việc chi, thì luôn trong năm mười ngày hoặc đến cả tháng, tâm trí vẫn vướng vít chưa quên, chỉ dẹp trừ nó còn chưa xong, nói gì đến việc gián đoạn! Điều này thốt ra thật đáng hổ thẹn, song nghĩ lại cũng đáng thương tâm! không biết có cách gì đối trị chẳng, xin nhờ Đại Sư chỉ bảo?**

Đáp:- Đó là căn bệnh chung của hầu hết người tu. Trong lúc ấy nếu ông không thống thiết tự trách răn, thì khó mà thành tựu pháp chuyên tu vô gián. Tôi nghe người xưa có ba điều thống thiết tự trách răn, nay vì ông tỏ bày, nên ghi nhớ cho kỹ:

Điều thứ nhất là phải nghĩ đến sự báo ân. Người tu có những ân trọng. Hãy tạm gác qua ân Phật ân thầy, như ông là phận xuất gia, công ơn sanh dưỡng của cha mẹ há chẳng phải là sâu nặng ư? Ông đã lia tục xuất gia,

vì đi học đạo nên phải xa cách quê quán nhiều năm, cha mẹ nhọc nhằn cực khổ ông cũng không biết, khi già yếu đau bệnh lại cũng không hay mà săn sóc thuốc thang. Đến lúc cha mẹ mãn phần, ông không biết, hoặc có được tin gì về cũng đã trễ muộn. Khi ông còn nhỏ, có khi cha mẹ vì nuôi nấng thương lo cho con mà gây ra nhiều tội nghiệp, lúc chết rồi hoặc bị đọa vào nẻo khổ, hy vọng ông cứu độ, như khát chờ uống, như hạn trông mưa. Nếu ông tu hành lơ láo tất tịnh nghiệp không thành; đã không thành thì tự cứu chưa xong, làm sao cứu được cha mẹ? Đối với song thân ông đã lỗi phần phụng dưỡng về thể chất, mà còn không cứu độ được phần hương linh, tức là phụ nghĩa quên ân, là người đại bất hiếu. Kinh nói: 'Phạm tội bất hiếu, sẽ bị đọa vào địa ngục.' Thế thì tâm niệm gián đoạn không chuyên tu, chính là nghiệp địa ngục vậy.

Lại ông không dệt mà mặc, không cày mà ăn. Phòng, nhà, chăn, gối, cơm áo, thuốc thang đều do đàn việt cúng dâng. Tổ sư từng răn dạy: 'Hàng thiện tín vì sùng kính Tam Bảo đã chia cắt bớt phần ăn của gia đình đem đến cúng dường. Nếu người tu đạo hạnh không tròn, thì dù là tấc vải hạt cơm, kiếp sau cũng phải đền trả. Muốn báo ân đàn việt ông phải lo chuyên tu tịnh nghiệp để độ mình độ người. Nếu ông sanh một niệm gián đoạn không chuyên. Tất đã có phần trong kiếp luân hồi vay trả. Và tâm niệm ấy chính là nghiệp hạ tiện hoặc súc sanh vậy.'

Điều thứ hai là phải có chí quyết định. Người tu hành phải kiên quyết để đi đến kết quả. Ông một đời tham thiền đã chẳng ngộ thiền, khi học giáo lại không tinh về giáo. Cho đến ngày nay tâm địa chưa lắng yên, niệm đầu còn sôi nổi, khi thì muốn làm thi, lúc lại thích tả tự, khi thì thuyết giáo, lúc lại đàm thiền, ý chí ly tán đi ba bốn nẻo. Tổ sư đã bảo: 'Tâm niệm còn vướng mắc, đó là nghiệp luân hồi. Tình tưởng vừa sanh ra, muôn kiếp bị ràng buộc.' Sở dĩ ông chưa được chánh niệm, là do vì còn tình tưởng phân vân, và tình tưởng còn phân vân cũng bởi chí không quyết định. Cho nên người tu mà ý chí không nhất quyết, đó chính là đầu mối của sự sa đọa tam đồ vậy.

Lại nếu người tu ý chí không quyết định, thì không thể gìn giữ giới căn. Do ý niệm phân vân nên không thể thâm nhiếp thân và khẩu. Kinh nói: 'Thà lấy nước đồng sôi rót vào miệng, nguyện không để miệng phá giới này thọ các thức ăn uống của tín tâm đàn việt. Thà dùng lưới sắt nóng quấn thân thể mình, nguyện không để thân phá giới này thọ những y phục của tín tâm đàn việt.' Phương chi, do các giới không trang nghiêm, nên tâm càng vọng động; nhân sự vọng động ấy mà phần chuyên tu bị gián đoạn. Thế thì một niệm gián đoạn, đâu chỉ là nghiệp nhân của lưới sắt nóng và nước đồng sôi ư?



Và nếu người tu ý chí không quyết định, tất không nhận rõ tướng đời giả huyền, dễ chạy theo danh lợi hư phù. Khi danh lợi thuộc về mình thì sanh lòng mê đắm, danh lợi thuộc kẻ khác lại sanh lòng ganh ghét hơn thua. Cổ đức bảo: 'Tham đắm danh lợi đi về nẻo súc đường quý, buông lòng thương ghét đồng vào hầm lửa vạc dầu!' Thế thì một niệm gián đoạn chính là ngã quý, hầm lửa vậy.

Điều thứ ba là cầu sự ứng nghiệm. Người đã tu tịnh nghiệp, nên cố gắng làm sao cho có sự ứng nghiệm. Kiếp người mong manh, vô thường chẳng hẹn. Như ông nay tóc đã điểm bạc, da đượm nét nhăn, tướng suy tàn hiện rõ, kỳ lâm chung phỏng còn được mấy ngày? Vậy ông phải cố gắng chuyên tu, làm sao cho có triệu chứng vắng sanh chắc chắn. Như khi xưa, Huệ Viễn Pháp Sư ở Lô Sơn, ba phen thấy Phật xoa đầu. Lại như Hoài Cảm Pháp Sư chí thành xưng danh hiệu Phật, liền thấy Đức A Di Đà phóng ánh quang minh, hiện ra tướng hảo. Và như Thiếu Khang Pháp Sư khi niệm Phật một câu, đại chúng liền thấy một vị Phật từ nơi miệng bay ra, cho đến trăm ngàn câu cũng như thế, tợ hồ các hạt chuỗi nối tiếp nhau. Những sự ứng nghiệm như thế có đến muôn ngàn. Nếu tâm ông không gián đoạn, thì thấy Phật rất dễ; như còn gián đoạn, tất khó thấy Phật. Đã không thấy Phật thì cùng với Phật vô duyên. Và đã vô duyên quyết khó sanh Tịnh Độ. Khi không được sanh về Tịnh Độ tất sớm muộn gì cũng bị đọa vào ác đạo. Thế thì một niệm gián đoạn chính là nghiệp tam đồ vậy. Phải nên răn dè và suy nghĩ kỹ!

Ba điều cảnh sách trên, người tu tịnh nghiệp phải ghi nhớ suy nghĩ rồi tự trách răn một cách thống thiết, làm sao cho tâm không rời Phật, Phật chẳng rời tâm, đạo cảm ứng giao thông, hiện đời được thấy Phật. Đã thấy Đức Phật ở Cực Lạc, tức thấy chư Phật khắp mười phương, và thấy chư Phật mười phương, tức thấy vị Phật thiên chân của tự tánh. Khi thấy được Phật tự tánh, thì sự đại dụng sẽ hiện tiền. Chưng ấy mới theo lòng bi nguyện, độ khắp quần sanh. Đó gọi là Tịnh Độ Thiên mà cũng là Thiên Tịnh Độ vậy. Thế thì ý của ngài Vĩnh Minh nói: 'Có Thiên có Tịnh Độ, dường như cọt mọc sừng, đời nay làm thầy người, đời sau làm Phật Tổ.' há chẳng là ứng nghiệm trong giai đoạn này ư? Phải nên cố gắng!

Thiền giả nghe xong vừa kinh ngạc vừa mừng rỡ, lặng lẽ giây lâu, dường như tìm được vật chi đã mất. Thiền Như lão nhơn lại bảo: 'Thiền cùng Tịnh Độ vẫn không hai, nếu liễu thì liễu cả, mê cũng đồng mê, bởi ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, đừng nên làm nhận!' Thiền thượng nhơn liền đánh lễ mà thưa rằng: 'Tôi rất may mắn được nhờ ơn chỉ bảo, nay đã biết đường về!' rồi từ tạ mà lui.

**Lời phụ:**

'Thiền cùng Tịnh Độ vẫn không hai, nếu liễu thì liễu cả, mê cũng đồng mê.' Lời của Thiền Như Đại Sư quả thật xác đáng. Bởi chân tâm bao hàm sa môn pháp, hàm vô biên quốc độ, nơi Thiền gọi là Bản Lai Diện Mục, nơi Tịnh gọi là Tự Tánh Di Đà. Kinh Lăng Nghiêm nói: 'Mười phương hư không sanh trong tâm ông như áng mây nổi điểm giữa trời xanh rộng lớn bao la, hướng chi vô lượng thế giới ở trong hư không ư?' Cổ đức cũng bảo: 'Hàng sa pháp ấy Bồ Đề Đạo, nghĩ đến Bồ Đề cách vạn tâm!' Vì chân tâm bao hàm muôn tượng nên nếu người tu Thiền mà hiểu Thiền bằng lý không không, rồi bác chẳng có Cực Lạc, bác sự cầu sanh, tất chưa phải là người hiểu Thiền. Sở dĩ ngài Thiền Như nhiều phen cặn kẽ chỉ bày là để phá mối chấp không đó. Về phần thể, chân tâm sáng lạng bao hàm vô biên thế giới, gọi là Thiền Tịnh Độ và vô lượng thế giới ảnh hiện trong chân tâm, tất cả đều tịch tịnh như huyễn, gọi là Tịnh Độ Thiền. Về phần dụng, hành giả khi đã ngộ tánh bản lai, rồi khởi lên bi nguyện tu những hạnh trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, gọi là Thiền Tịnh Độ và nếu dùng môn Tịnh Độ để nhiếp hóa hữu tình trở về chân tánh, gọi là Tịnh Độ Thiền.

Tóm lại, Thiền tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức là Thiền. Nếu bác Tịnh Độ chính là chưa hiểu rõ Thiền, và bác Thiền cũng chẳng suốt thông Tịnh Độ. Liễu thì liễu cả, mê cũng đồng mê, bởi do lý đó.

### **Đề Bạt**

Tức tâm là độ lý không ngoa  
Tịnh khác Thiền đâu vẫn một nhà  
Phước kết trang nghiêm phần sắc tướng  
Huệ tuôn vô ngại cõi hằng sa  
Trời Tây sáng lạ màu vi diệu  
Nguyện Phật thâm sâu đức hải hà  
Ngoảnh lại đường tu ai sớm tỉnh?  
Nỗi thương ác đạo mãi vào ra!

Tây Trai Lão Nhơn  
**Thiền Như Đại Sư**